LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh đất nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, vai trò của các doanh nghiệp ngày càng được khẳng định. Để đạt được mục tiêu kinh doanh: nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm thì nhà quản lý cần nhận thức rõ vai trò của các thông tin kinh tế. Có thể nói kế toán là cánh tay phải đắc lực giúp nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính và có thể đưa ra được các quyết định đúng đắn.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH Vũ Hoàng Long em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: **" Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long"** làm khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: ***Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

CHƯƠNG 2: ***Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long.***

CHƯƠNG 3: ***Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long***.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các cô chú phòng Kế toán – Thống kê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Hoàng Thị Huyền

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- **Doanh thu**: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu

- **Chi phí**: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh**: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh**: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất KD	=	DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí quản lý kinh doanh(bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng)

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giám giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp

khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

▪ Chi phí quản lý kinh doanh: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.

❖ **Hoạt động tài chính**: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động tài chính: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán… khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán…

❖ **Hoạt động khác**: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

- Thu nhập khác: là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí khác: là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị….

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho…

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phán ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán…Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ **Đối với doanh nghiệp**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

❖ **Đối với Nhà nước**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cở sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.
- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

❖ **Đối với nhà đầu tư**: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ **Đối với tổ chức trung gian tài chính**: Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

❖ **Đối với nhà cung cấp**: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau**:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác đinh tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.
- TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

❖ **Các phương thức bán hàng**:

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp thường áp dụng bao gồm:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đai lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và

ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các TK cấp 2:

+Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa

+Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm

+Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

+Tài khoản 5118- Doanh thu khác

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	**TK 511**	**Có**
- Số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa,dịch vụ, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại k/c cuối kỳ; - K/c doanh thu thuần vào TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số PS nợ		**Tổng số PS có**

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1:Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp

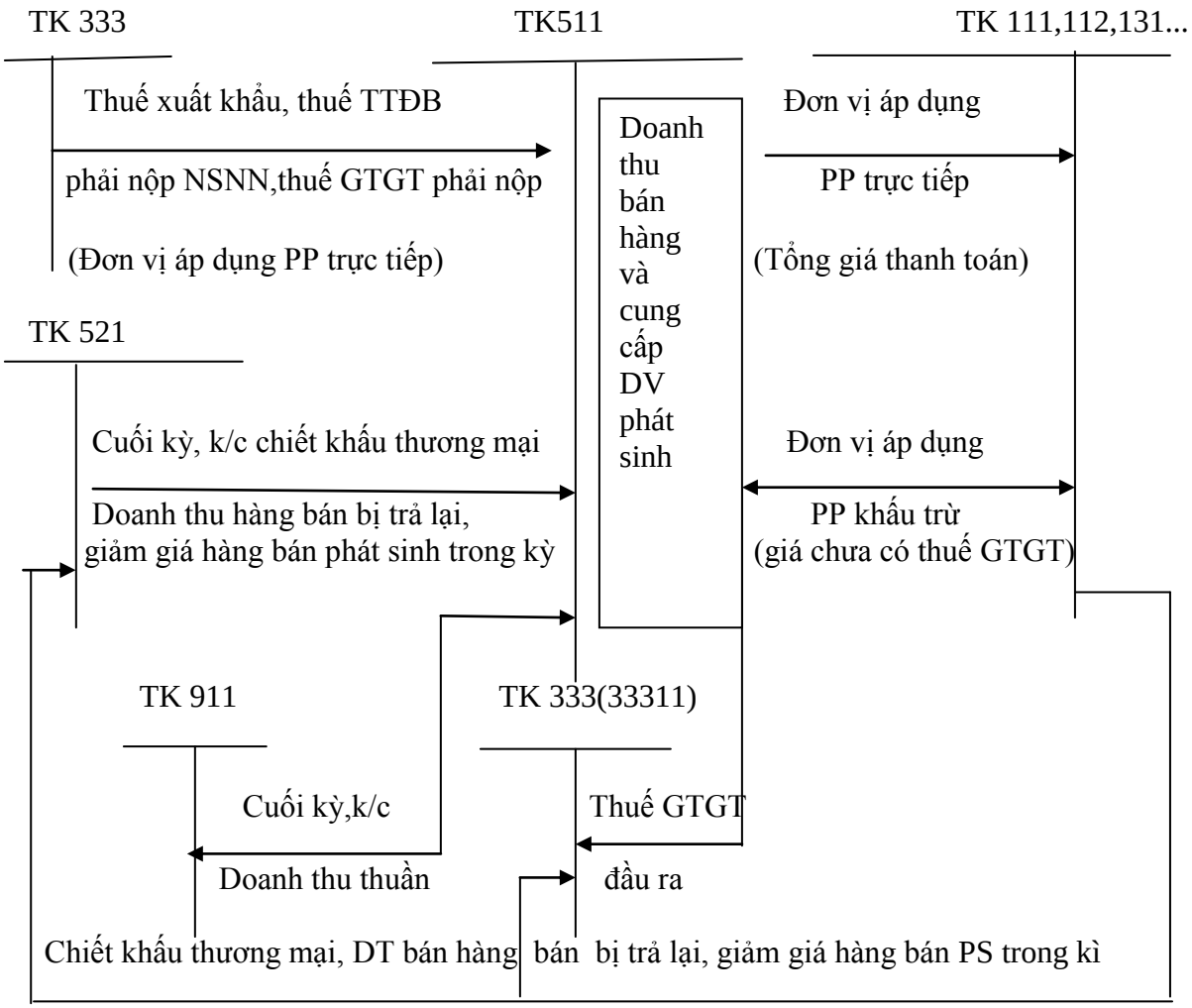

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

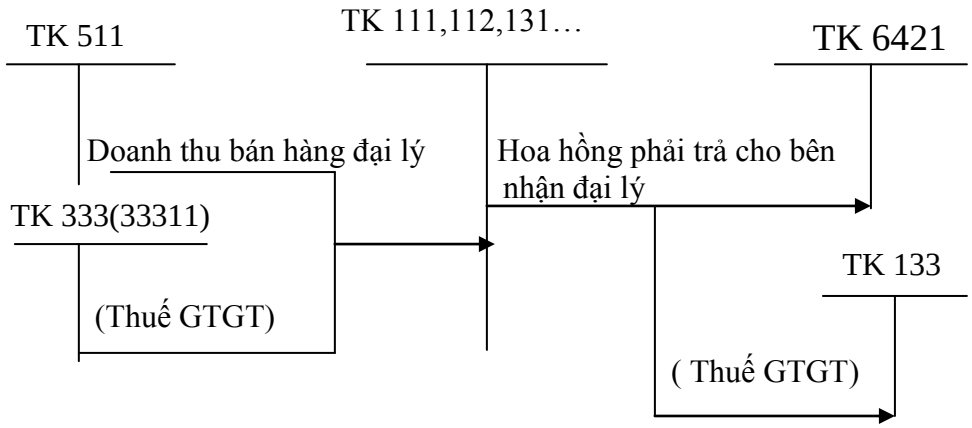

Sơ đồ 1.3:Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm(hoặc trả góp)

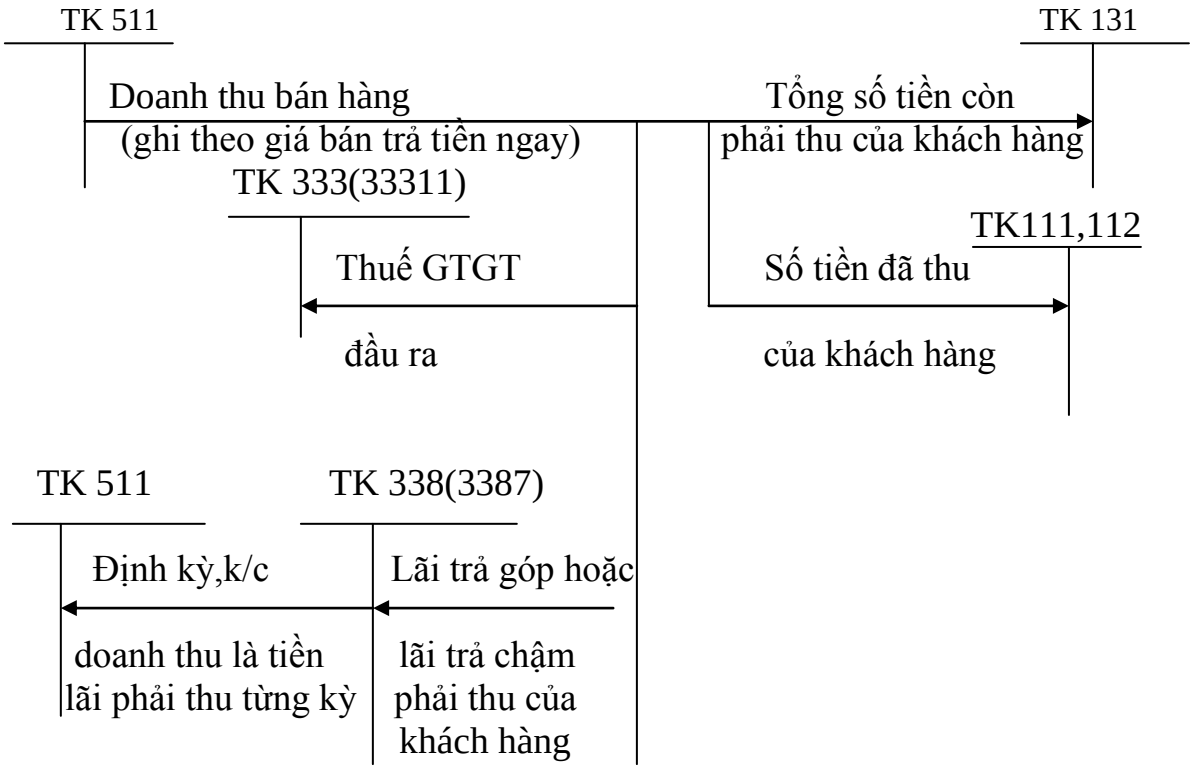

Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng

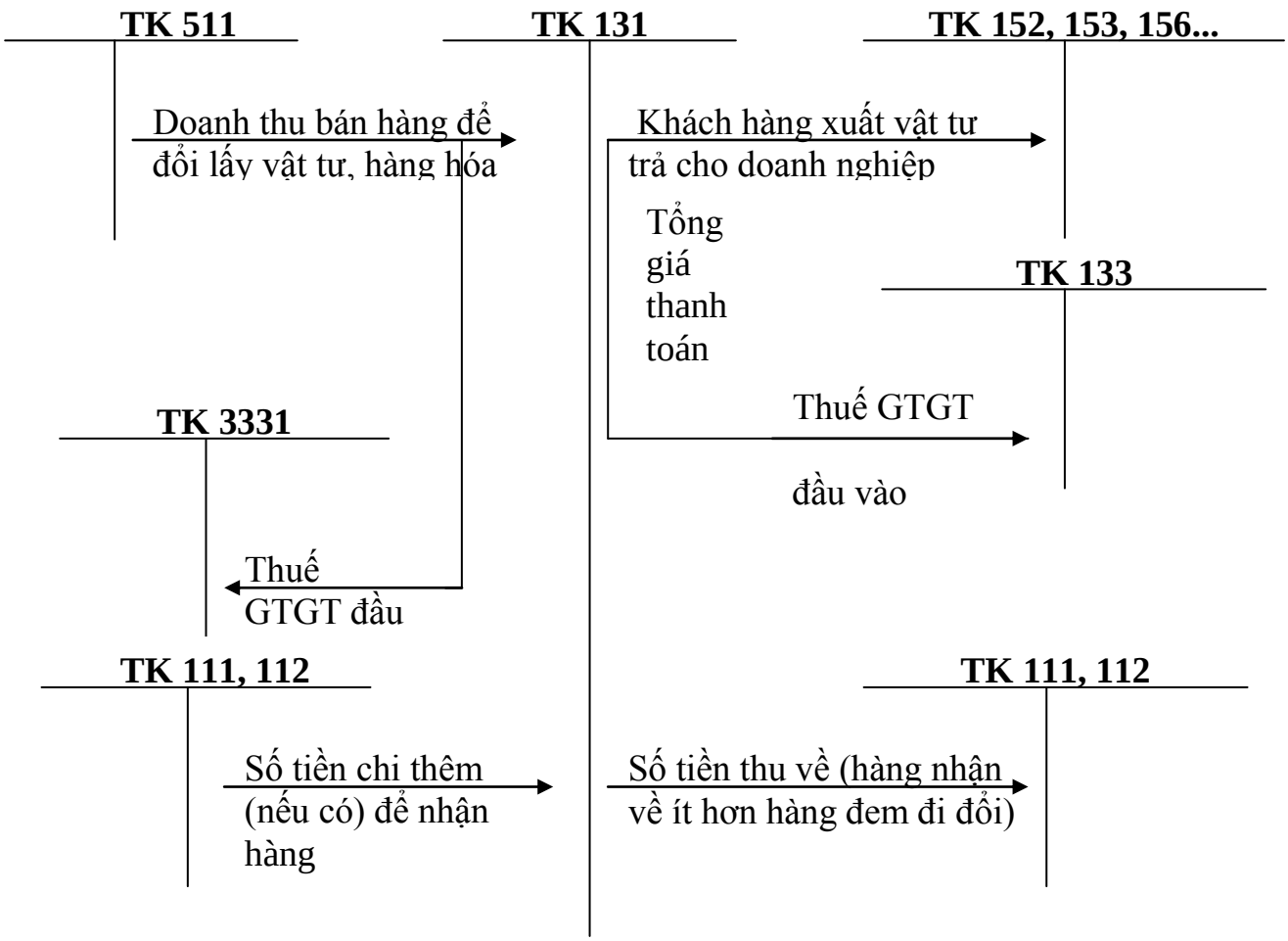

1.4.1.2. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	**TK 515**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động KD - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động)đã hoàn thành đầu tư; - Doanh thu hoạt động tài chính khác.
Tổng số PS Nợ		**Tổng sô PS Có**

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

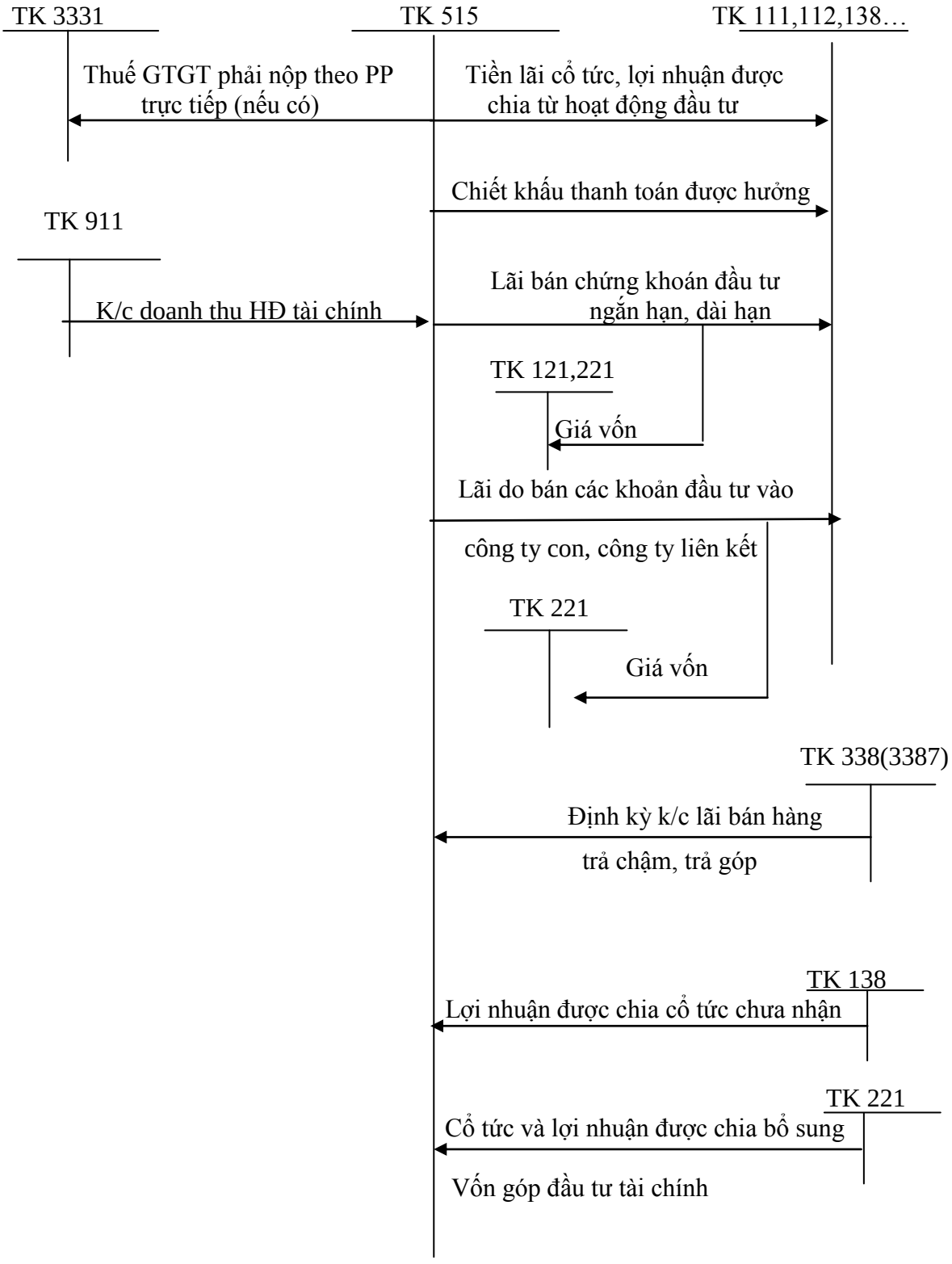

1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 711 " Thu nhập khác"

- Kết cấu của TK 711:

Nợ	**TK 711**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 711 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác

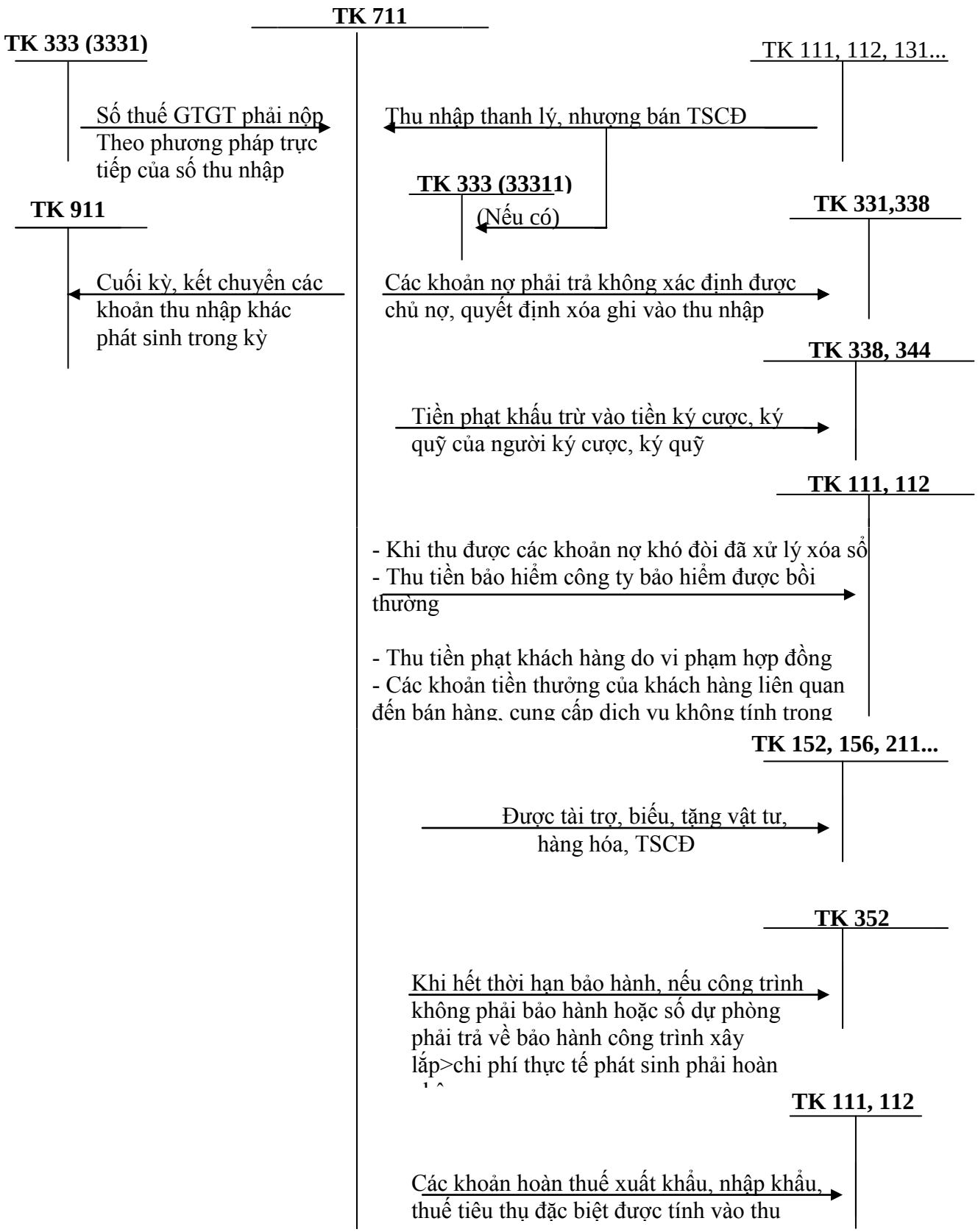

1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với khối lượng lớn
- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ **Hạch toán TK 521 cần tôn trọng một số quy định sau:**

- Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản chiết khấu thương mại khi bán hàng được ghi trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.
- Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị số hàng bị trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Trong trường hợp bị trả lại một phần số hàng đã bán thì chỉ phản ánh vào tài khoản này trị giá của số hàng bán bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân đơn giá bán ghi trên hóa đơn

Các chi phí khác phát sinh mà doanh nghiệp phải chi liên quan đến hàng bán bị trả lại này được phản ánh vào TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.

- Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là giảm giá sau khi đã phát hành hóa đơn không hạch toán vào tài khoản này số giảm giá (Cho phép giảm giá) đã được ghi trên hóa đơn và được trừ vào tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn.
- Trong kỳ hạch toán, các khoản giảm trừ doanh thu thực tế phát sinh được phản ánh bên Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

Cuối kỳ, kết chuyển tổng số tiền giảm trừ doanh thu vào TK 511 để xác định doanh thu thuần thực tế thực hiện trong kỳ.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu"

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:* Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan tới bán hàng.

- *Tài khoản 5212 – Hàng bị trả lại:* Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

- *Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán:* Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trên HĐGTGT hoặc hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	**TK 521**	**Có**
- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng		- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Tổng số PS Nợ		**Tổng số PS có**

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.7:Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

- ***Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ***

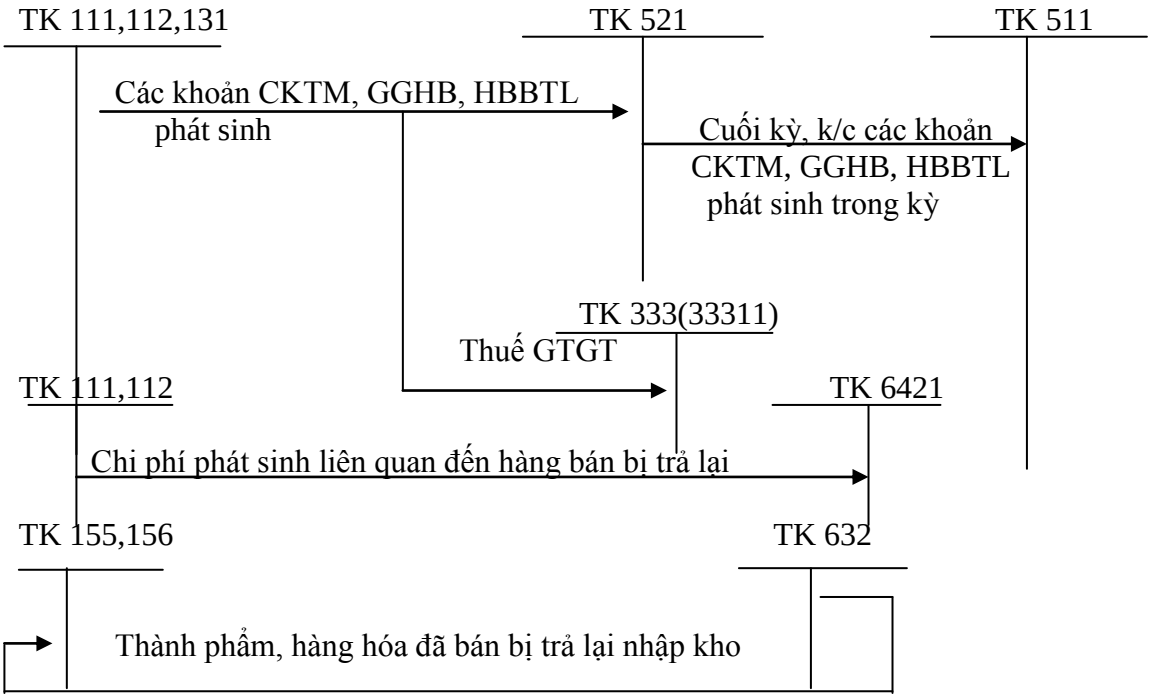

- ***Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp***

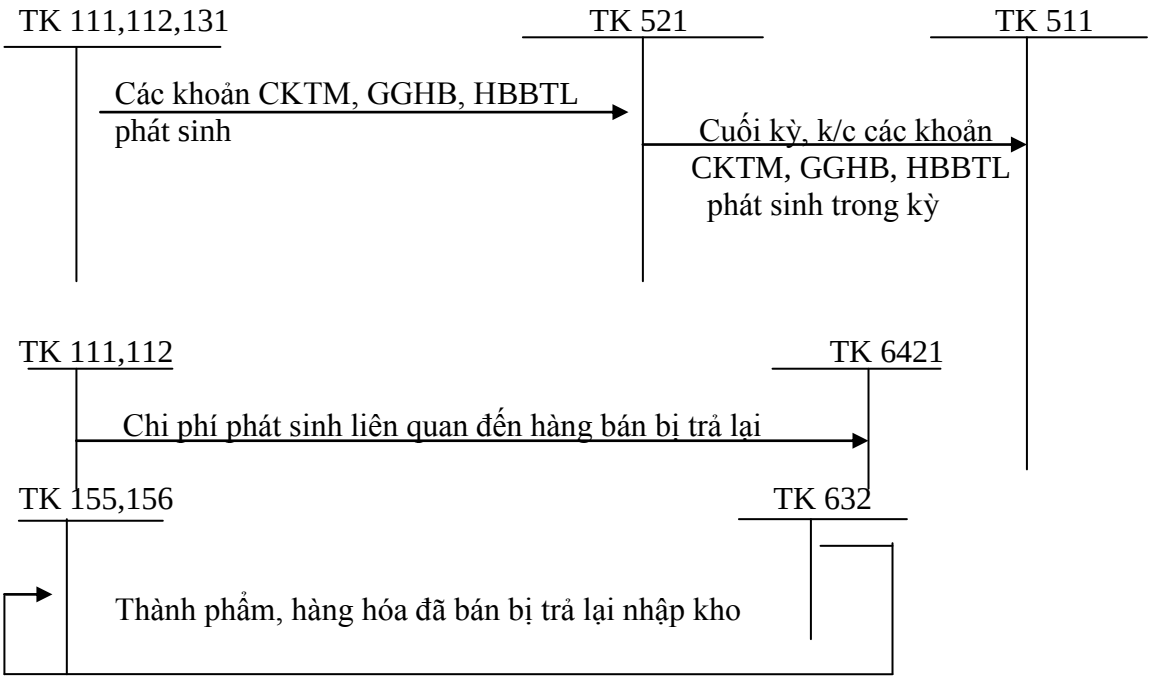

1.4.2 Kế toán chi phí

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với DN thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân xuất kho

- Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

- Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ i} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập i}}$$

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):**

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (Trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm….

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	**TK 632**	**Có**
- Đối với hoạt động SX kinh doanh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư : + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa nâng cấp cải tạo BĐS đầu tư không tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán thanh lý trong kỳ; + Chi phí khi cho thuê hoạt động BĐS đầu tư.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã trích lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số PS bên Nợ		**Tổng số PS bên Có**

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

- *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

  Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

Nợ	**TK 611**	**Có**
- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hóa đã bán bị trả		- Kết chuyển giá gốc của hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc của hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (đã được xác định là đã bán trong kỳ); - Giá gốc của hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 611 không có số dư cuối kỳ

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 -"Giá thành sản xuất"

Nợ	**TK 631**	**Có**
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ; - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ		- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào tài khoản 632 " Giá vốn hàng bán" - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang"
Tổng số phát sinh nợ		**Tổng số phát sinh có**

TK 631 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên

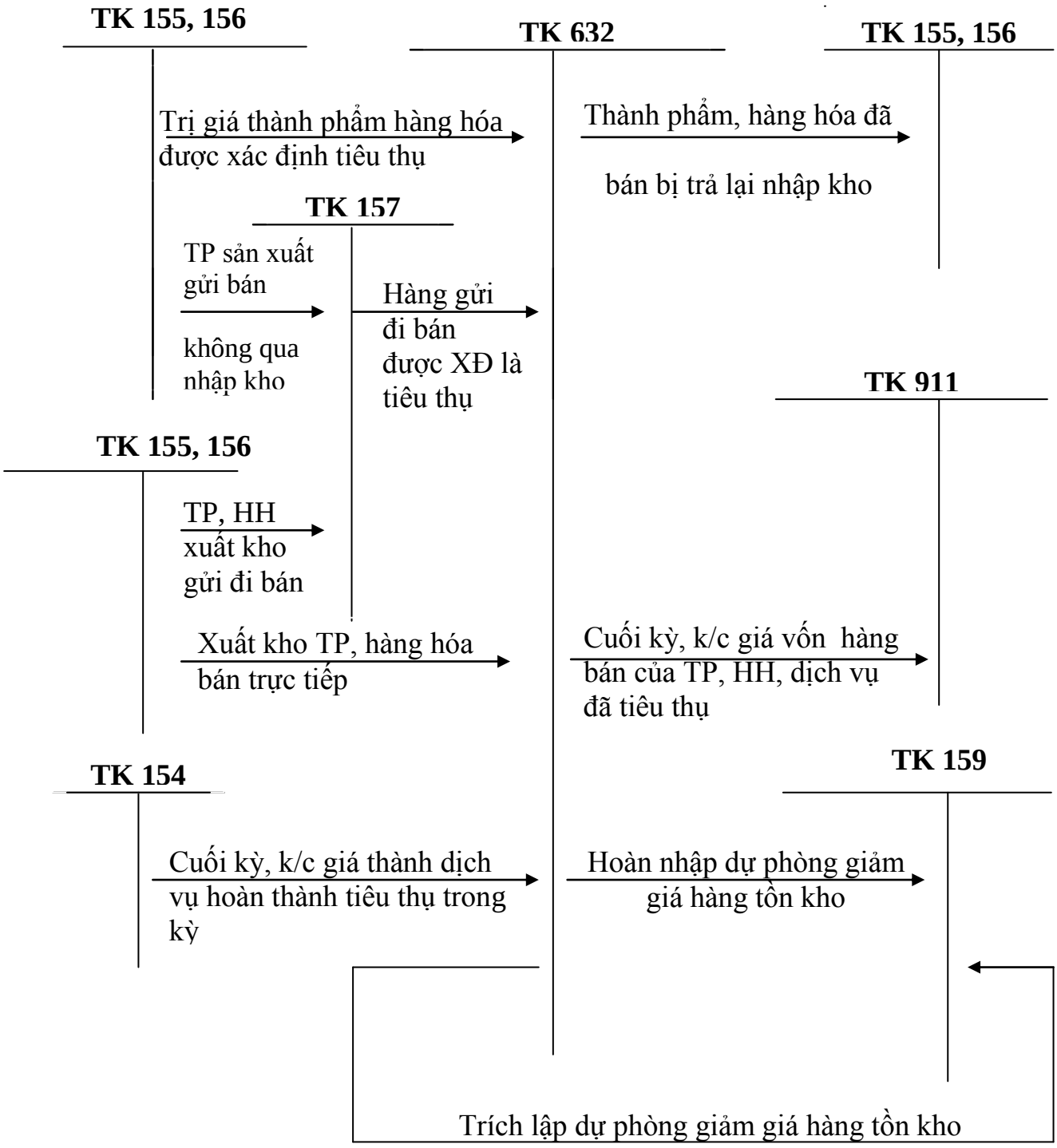

Sơ đồ 1.9 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

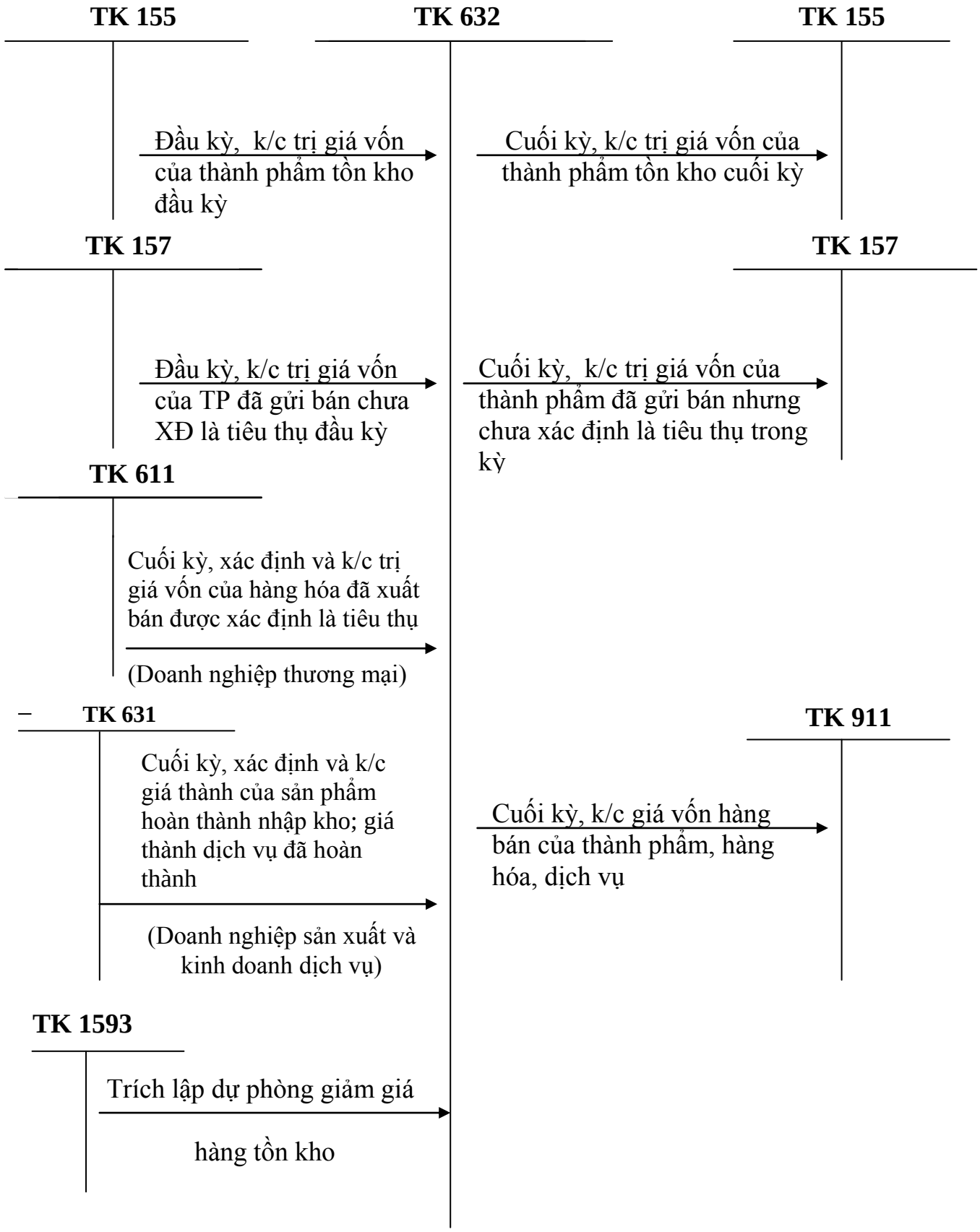

1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng tính và phân bổ KH
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

- Các tài khoản Chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:

  + TK6421- Chi phí bán hàng

  + TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 642**	**Có**
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ		Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911
Tổng số PS Nợ		**Tổng số PS Có**

TK 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

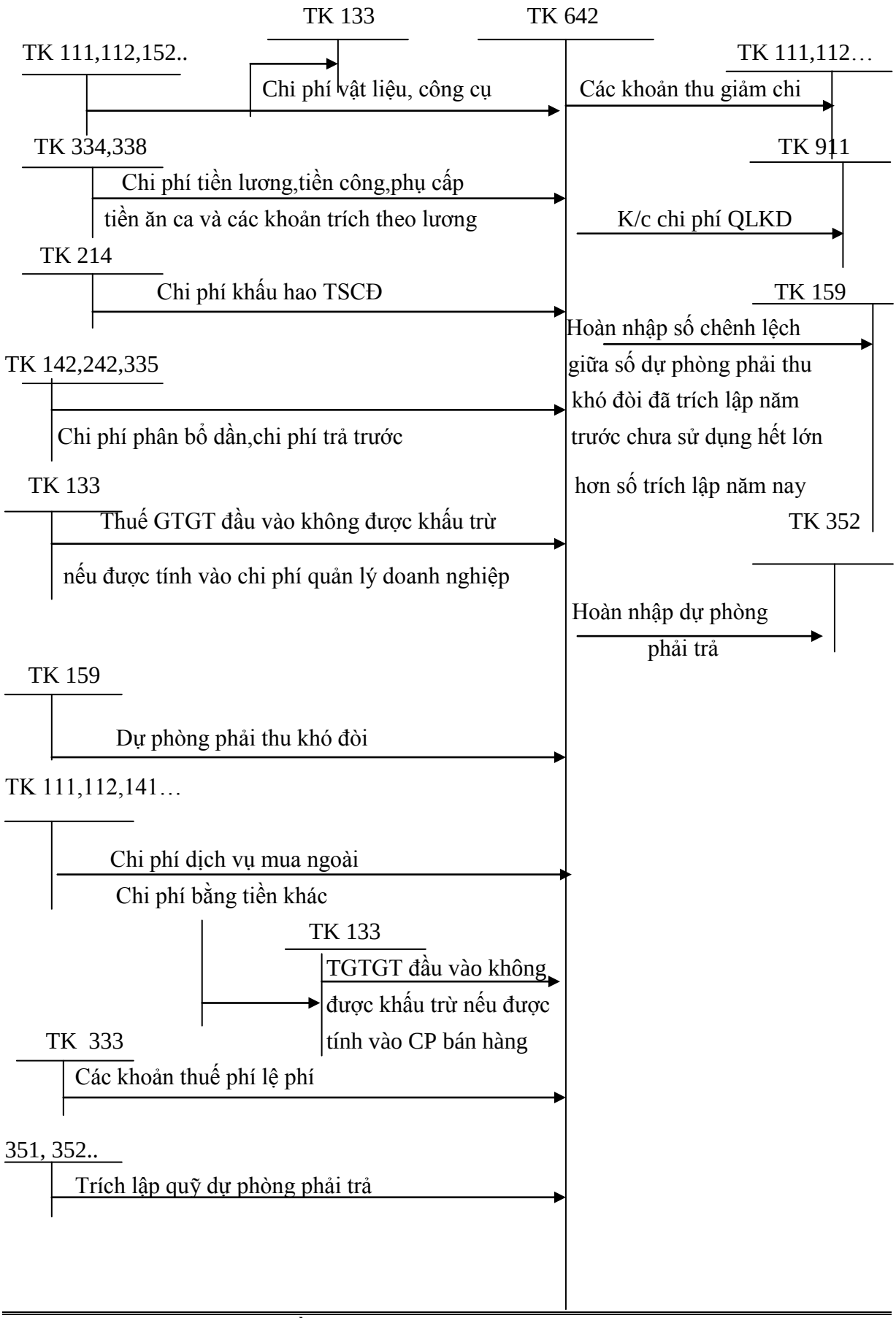

1.4.2.3. Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo Có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**:

- TK 635: Chi phí tài chính

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	**TK 635**	**Có**
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phi tài chính; - Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số PS Nợ		**Tổng số PS Có**
	TK 635 không có số dư cuối kỳ	

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí tài chính

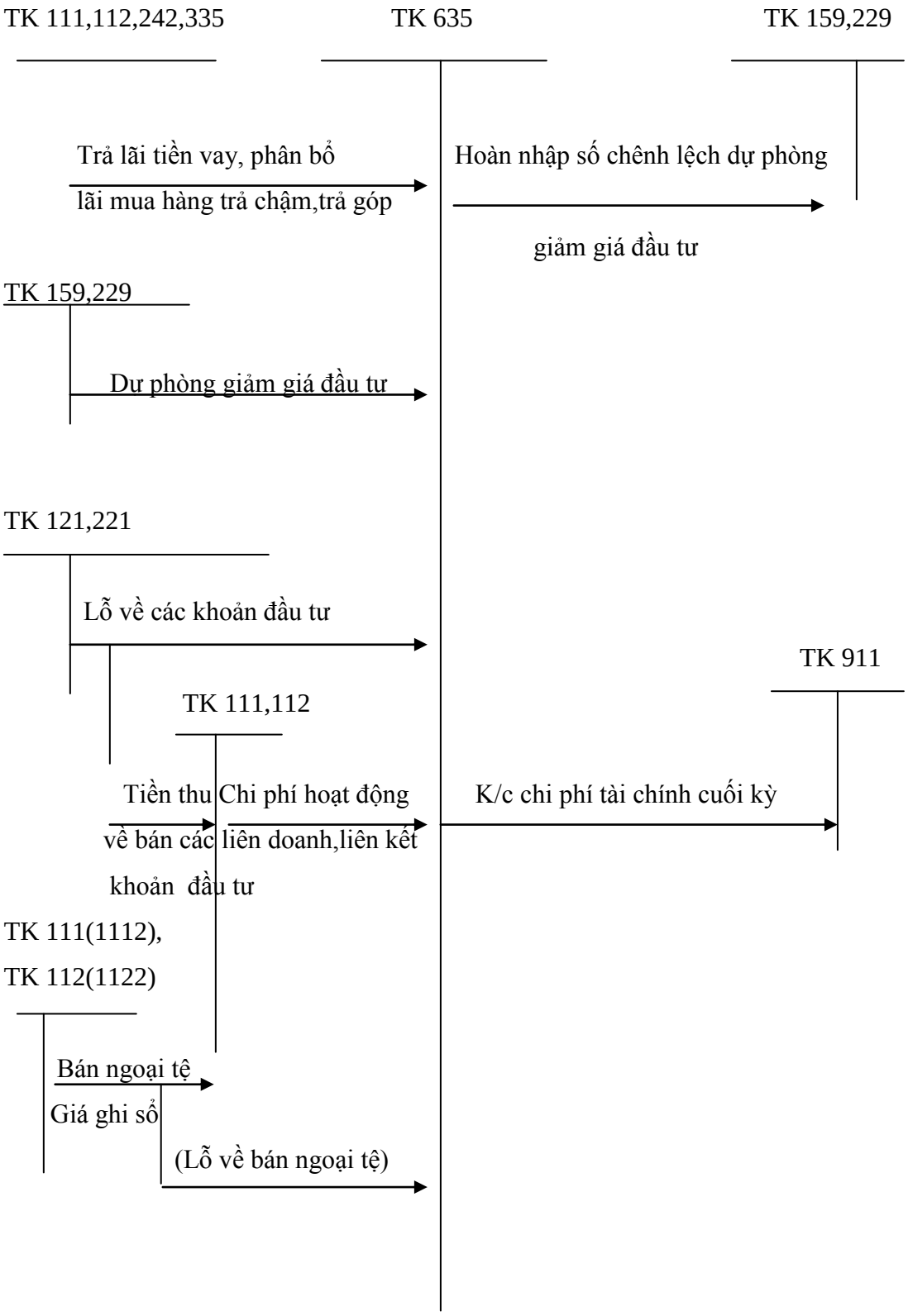

1.4.2.4 Tổ chức kế toán chi phí khác.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 811: Chi phí khác

- Chi phí khác bao gồm:

+ Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa,TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết,đầu tư dài hạn khác;

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế;

+ Các khoản chi phí khác.

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	**TK 811**	**Có**
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.	- K/c toàn bộ các khoản chi phí vào TK 911	
Tổng số PS Nợ	**Tổng số PS Có**	

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.12:Kế toán chi phí khác

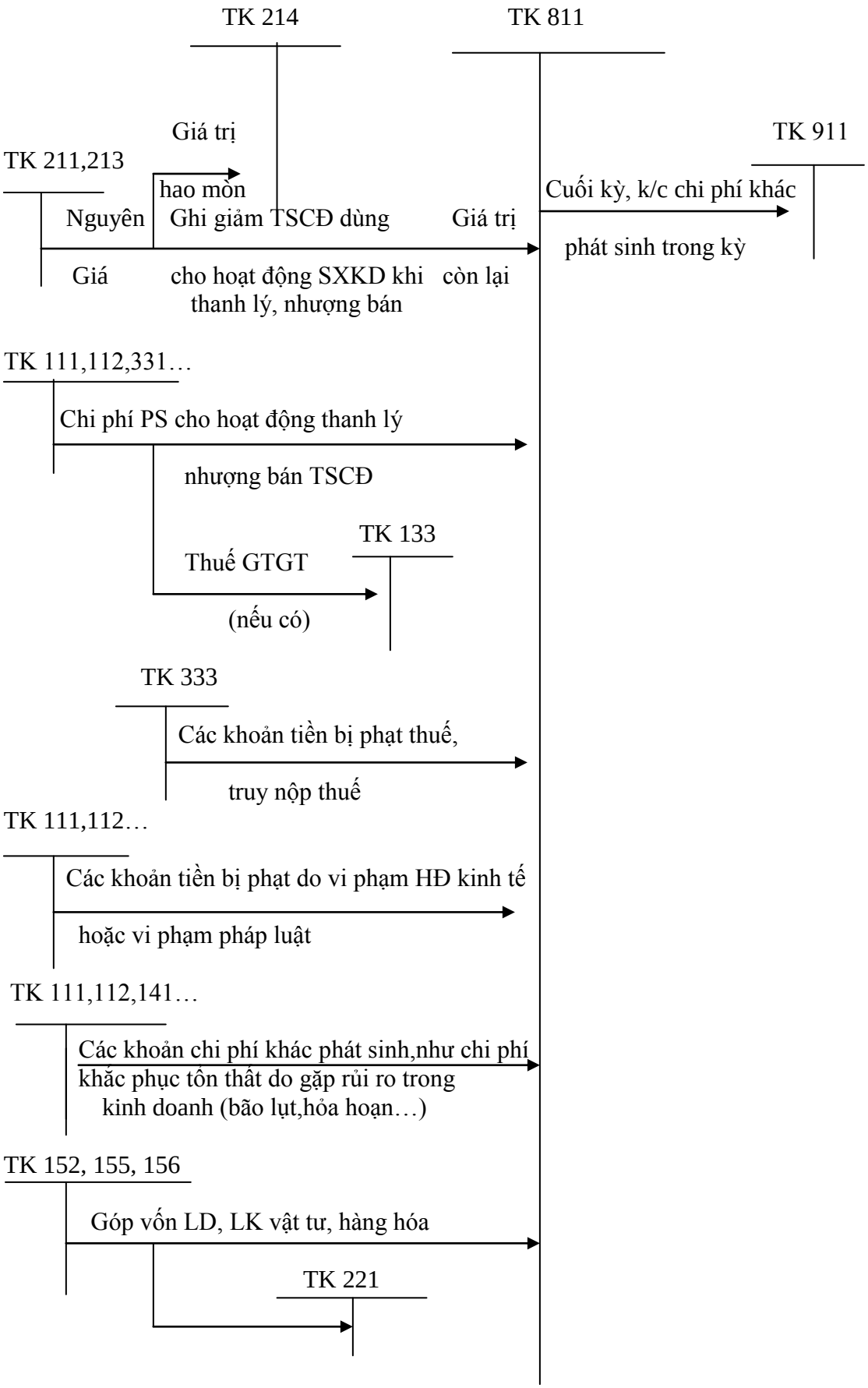

1.4.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành;
- TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	**TK 821**	**Có**
- Chi phí thuế TNDN hiện hành PS trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại		- Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế TNDN trong năm; - Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên nợ tài khoản 911 – " Xác định kết quả kinh doanh"
Tổng số PS Nợ		**Tổng số PS Có**

TK 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành

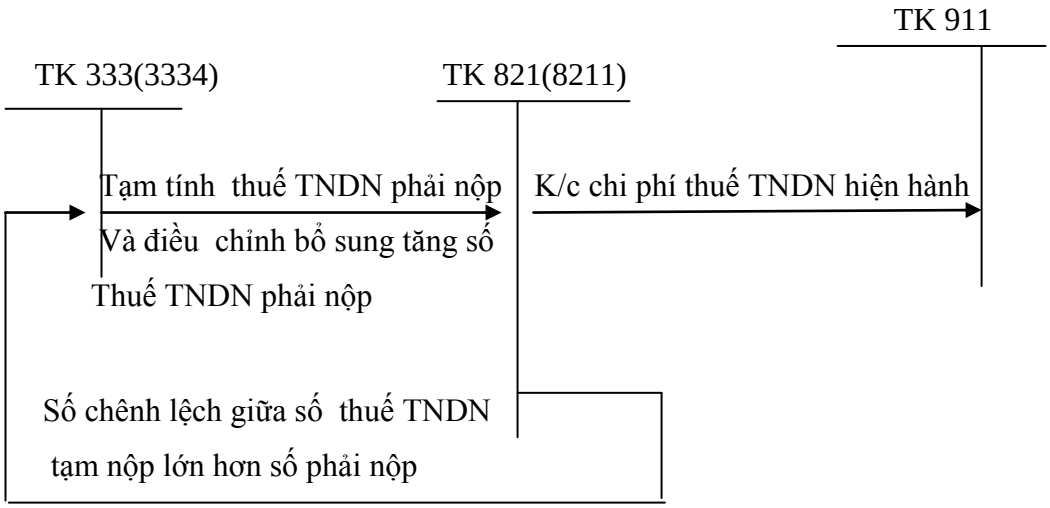

1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**:

- TK 911"Xác định kết quả kinh doanh"

TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

- Kết cấu Tài khoản:

Nợ	**TK 911**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí QLDN; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số SP,HH,bất động sản đầu tư và DV đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số PS Nợ		**Tổng số PS Có**

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.14: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

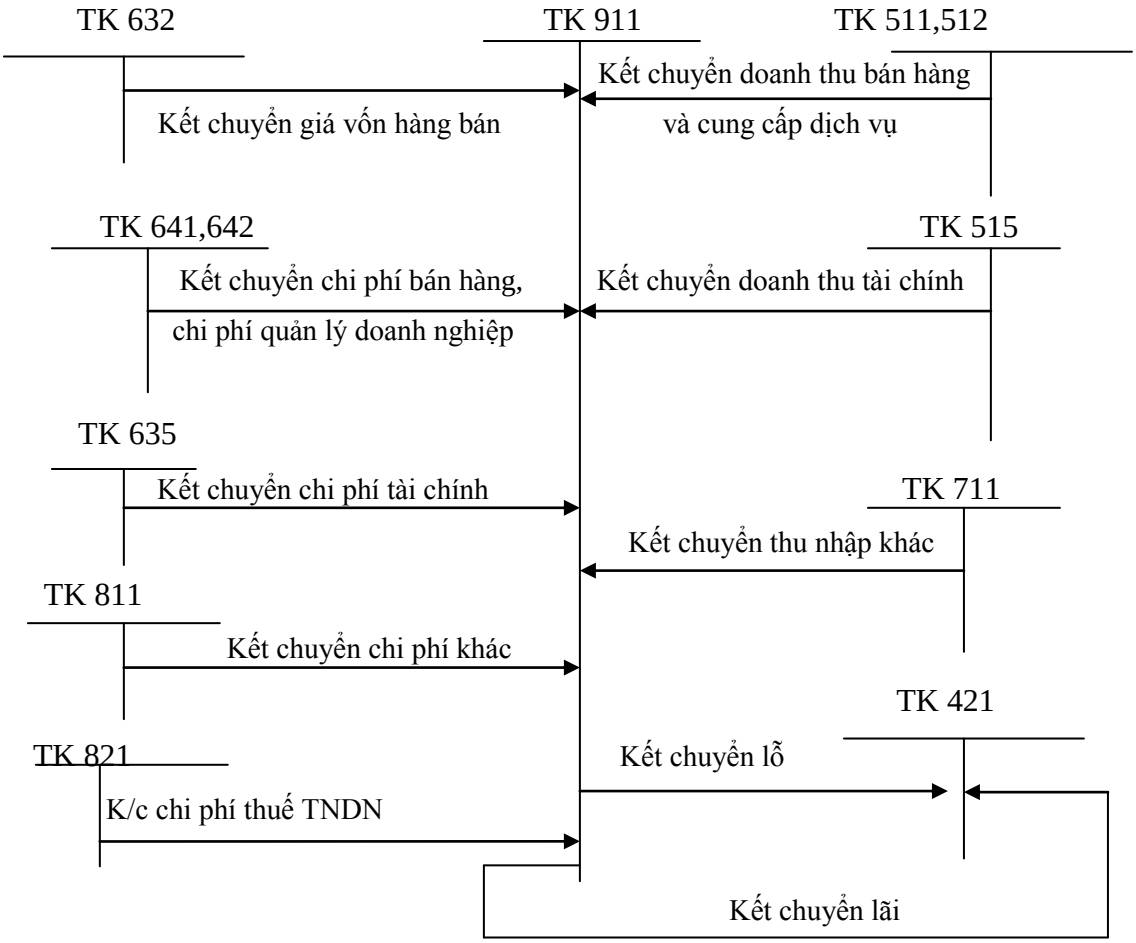

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

❖ **Đặc trưng cơ bản:**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC

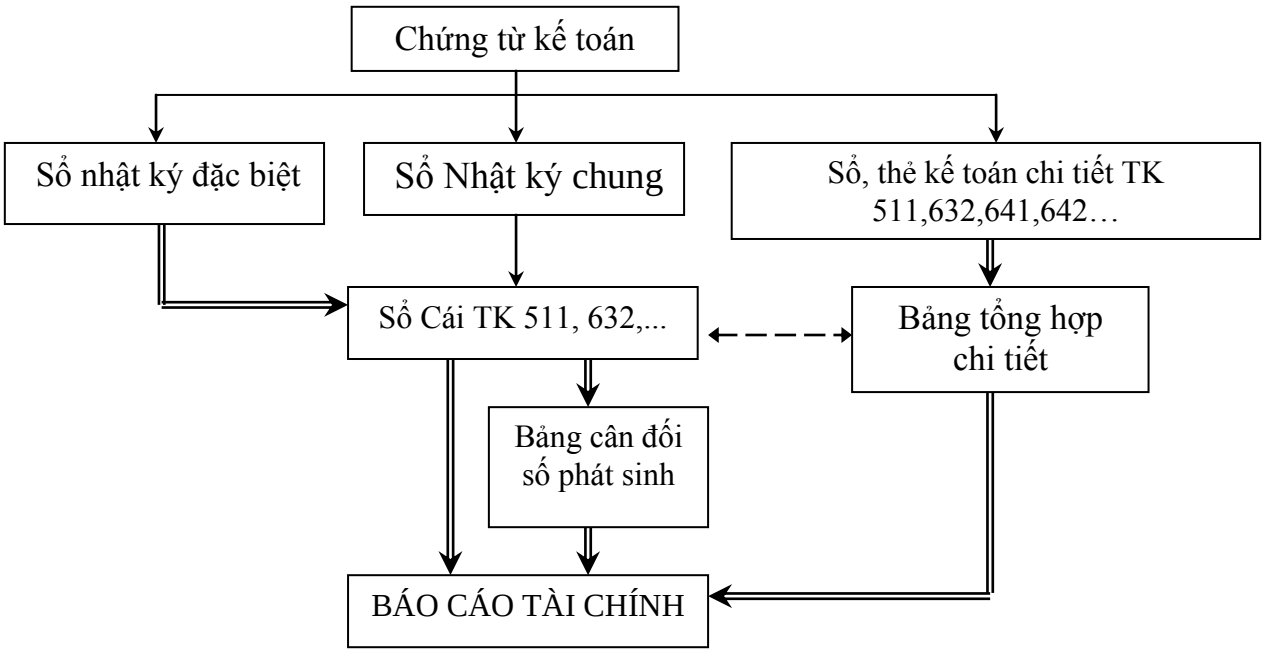

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

←→ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.

❖ **Đặc trưng cơ bản**:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ chủ yếu**:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.16:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

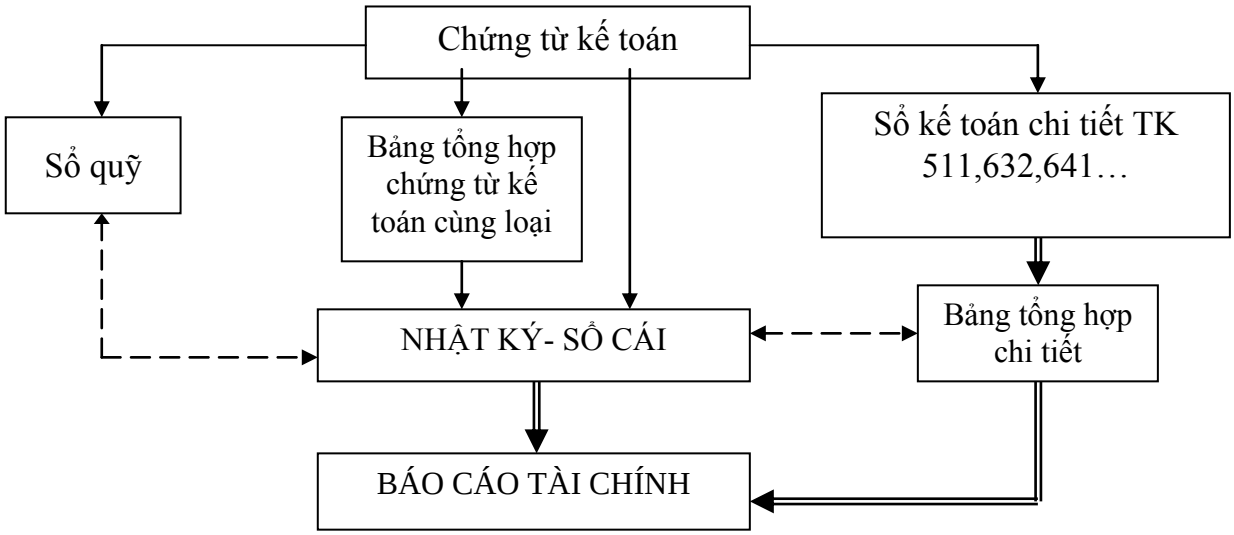

Ghi chú → Ghi hàng ngày ,

⟹ Ghi cuối tháng,hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc trưng cơ bản:**

Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ".

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

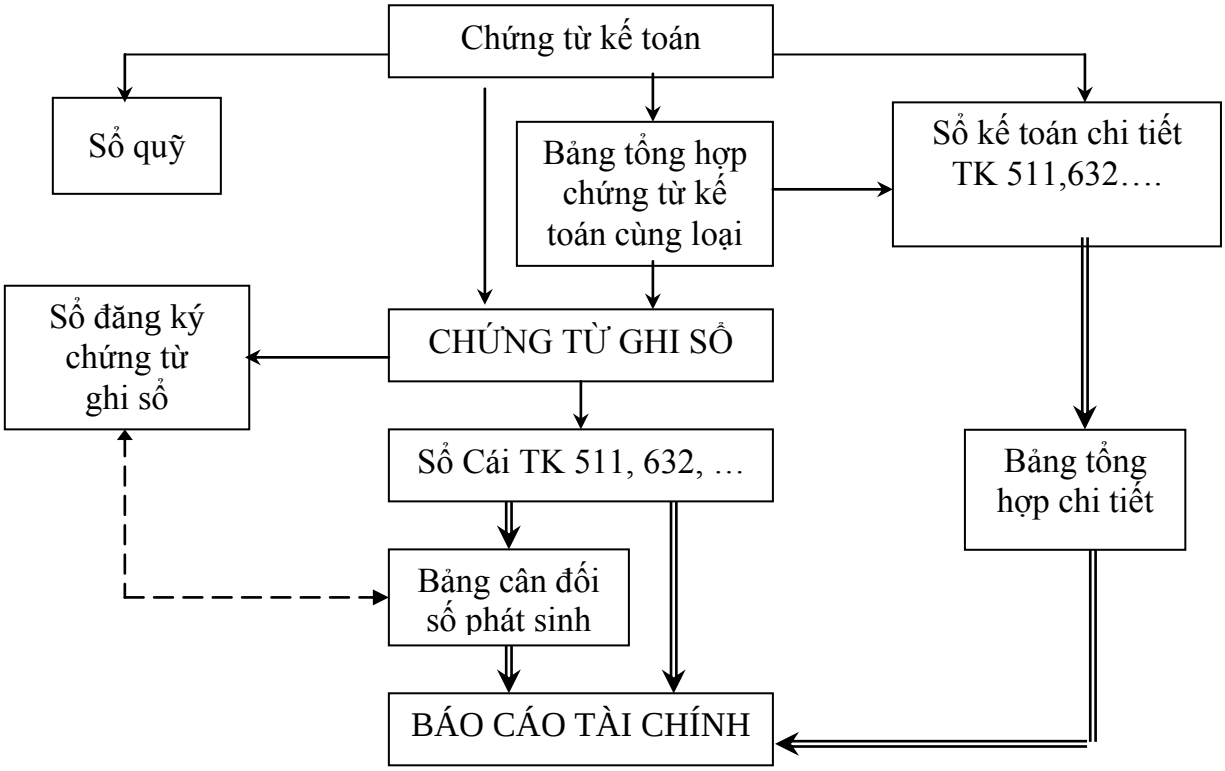

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

←→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- **Đặc trưng cơ bản**: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- **Các loại sổ chủ yếu**: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

Sơ đồ 1.19:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

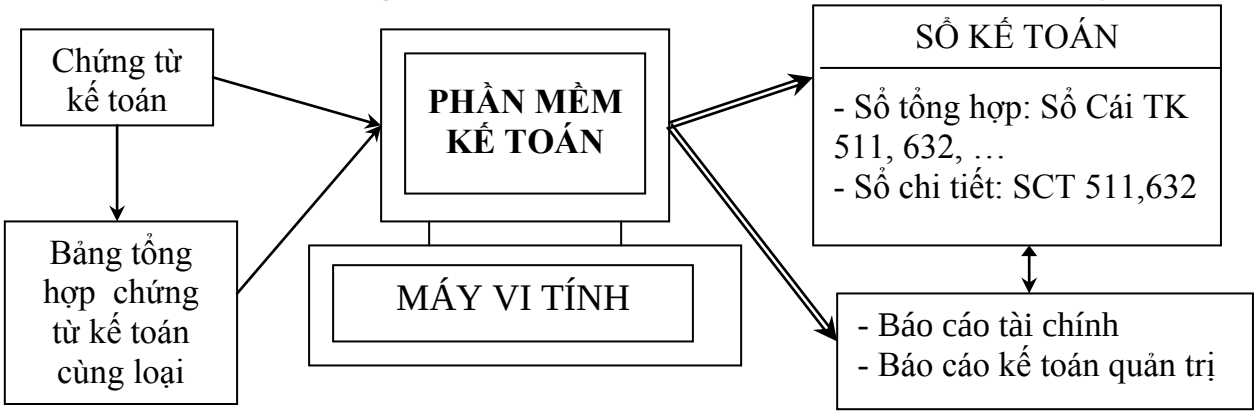

Ghi chú ⟶ Nhập số liệu hàng ngày

⟹ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

⟷ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ HOÀNG LONG.

2.1.Khái quát chung về Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long.

2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long

- Tên công ty : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ HOÀNG LONG
- Tên giao dịch : CÔNG TY TNHH VŨ HOÀNG LONG
- Hình thức : Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên
- Trụ sở chính : Số nhà 744, đường Trần Phú, phường Cẩm Thạch, Thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại : 033.3863523
- Fax : 033.3863523
- Mã số thuế : 5700549637
- Tài khoản : 44110000008008
- Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103001085 ngày 06/6/2005 và đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 4/9/2009 được Cục thuế Quảng Ninh cấp mã số thuế 5700549637.

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động dưới sự kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước. Công ty nằm trên địa bàn thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích 2.870 m^2. Trụ sở chính ở gần các trung tâm giao dịch nên rất thuận tiện cho việc kinh doanh của Công ty.

Năm 2005, Công ty bắt đầu bước vào hoạt động kinh doanh nên không tránh khỏi những khó khăn ban đầu kể cả về vật chất lẫn con người. Đặc biệt, năm 2007 Công ty TNHH Vũ Hoàng Long là nhà phân phối chính thức của công

ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả. Vì là nhà phân phối mới nên công ty không được hưởng nhiều ưu đãi: nhận hàng trước trả tiền sau, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ lưu kho...Thêm vào đó, thương hiệu xi măng Cẩm phả còn chưa được nhiều người biết đến nên thị phần của sản phẩm xi măng Cẩm phả là rất thấp. Trên thị trường bị chiếm lĩnh bởi những thương hiệu lâu năm như: Xi măng Hoàng Thạch, xi măng Lam thạch, xi măng chinfon Hải Phòng... Chính vì vậy nên công tác thị trường gặp rất nhiều khó khăn. Tuy vậy đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong Công ty đã phấn đấu nỗ lực, đoàn kết một lòng để đưa công ty nhanh chóng thâm nhập vào thị trường trong nước. Nhờ làm ăn có uy tín, công ty có nhiều bạn hàng tin cậy, kết quả kinh doanh của Công ty đã có những bước tăng trưởng lớn.

Công ty đã 5 năm liền từ năm 2007 đến năm 2011 đạt danh hiệu nhà phân phối bán hàng giỏi, lợi nhuận hàng năm không ngừng tăng lên, khoản thuế nộp vào ngân sách Nhà nước cũng vì thế mà tăng lên.Vị thế của doanh nghiệp những năm gần đây ngày càng được củng cố, sản lượng tiêu thụ đạt 80.000 tấn/năm. Năm 2009 doanh nghiệp đứng thứ hai trong tốp các doanh nghiệp vừa và nhỏ của thị xã Cẩm Phả.

Không chỉ đem lại lợi ích cho doanh nghiệp mà còn đem lại lợi ích cho xã hội, ban đầu công ty đã tạo việc làm cho 5 lao động nhưng đến ngày hôm nay số lao động đã lên tới 60 người, thu nhập bình quân của người lao động đạt 3.250.000 đồng/tháng.Doanh nghiệp còn tham gia các hoạt động từ thiện, xoá đói giảm nghèo... Công ty TNHH Vũ Hoàng Long đang dần khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường và luôn cố gắng hết sức vì sự hài lòng của khách hàng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long

Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh của Công ty TNHH Vũ Hoàng Long là:

- Mua, bán các mặt hàng vật liệu xây dựng: Xi măng, thép, đá, cát, thép, gạch, sắt, tre...
- Dịch vụ vận tải các loại đá.
- Mua, bán Văn phòng phẩm

Trong đó, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty TNHH Vũ Hoàng Long là: Mua, bán các mặt hàng vật liệu xây dựng: Xi măng, thép, đá, cát.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long.

Bộ máy tổ chức quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Hoạt động kinh doanh của công ty được tiến hành, tổ chức sắp xếp hợp lý và xây dựng nhiệm vụ với hạn mức cụ thể cho từng bộ phận. Do đó tạo ra bộ máy hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ.

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

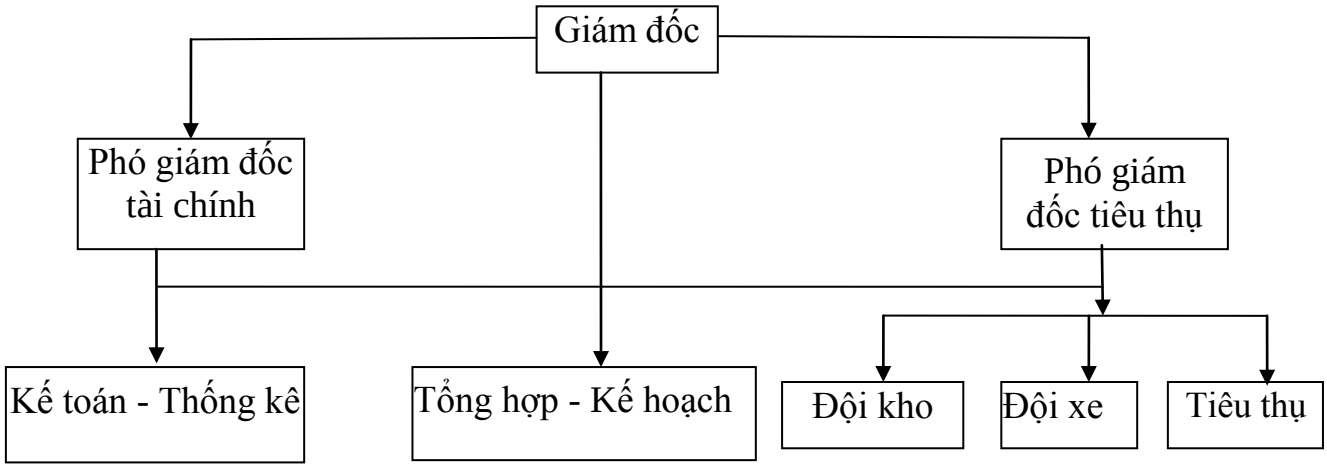

***) Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận:**

Giám đốc Công ty

- Giám đốc có quyền quyết định việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, Hội đồng thành viên và tập thể người lao động Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các mục tiêu được Hội đồng thành viên hàng năm thông qua.

- Giám đốc có quyền quyết định về tổ chức bộ máy và lựa chọn, quy hoạch cán bộ theo phân cấp quản lý.

- Có trách nhiệm ban hành các nội quy, quy chế của Công ty, có quyền quyết định khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích hoặc xử lý kỷ luật người lao động vi phạm nội quy, quy chế của Công ty theo quy định của Nhà nước.

Phó Giám đốc:

- Là người giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các công việc thuộc lĩnh vực được phân công.

- Ban hành quy định quản lý, hệ thống biểu mẫu phục vụ cho công tác quản lý.

- Đề xuất phương án, giải pháp quản lý, xử lý kịp thời và giải quyết dứt điểm công việc được phân công.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Các phòng và đội:

1. Phòng Kế toán - Thống kê: Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Phó Giám đốc tài chính, có chức năng khai thác và quản lý nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện công tác hạch toán, thống kê theo quy định của Nhà nước, phân tích hoạt động kinh tế để cung cấp các thông tin về hiệu quả sản xuất kinh doanh, về tài sản của Doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

2. Phòng Tổng hợp - Kế hoạch:

+ Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty. Thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động.

+ Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, vệ sinh cảnh quan môi trường, phục vụ bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

+ Xây dựng phương án bảo vệ tài sản Công ty, xây dựng phương án, biện pháp phòng chống cháy nổ, chống bão lụt.

3. Phòng Tiêu thụ sản phẩm: Quản lý, điều hành công tác tiêu thụ sản phẩm của toàn bộ Công ty.

+ Nghiên cứu thị trường, thu thập, báo cáo và xử lý thông tin, khai thác mở rộng thị trường, tiếp thị quảng cáo, thanh tra, kiểm tra giám sát công tác tiêu thụ sản phẩm, kết hợp với phòng Kế toán – Thống kê đôn đốc khách hàng thanh toán công nợ tiền hàng.

4. Đội kho:

+ Quản lý toàn bộ hệ thống kho tàng của Công ty.

5. Đội xe:

Có nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa theo hợp đồng của khách hàng, đảm bảo an toàn cho hàng hóa vận chuyển và giao hàng đúng theo hợp đồng

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long.

Phòng kế toán – Thống kê có chức thống kê, ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn, bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán thống kê, theo dõi công nợ. Bên cạnh đó, phòng phải tổ chức bảo quản, lưu trữ, thống kê, giữ bí mật các tài kiệu kế toán. Tổ chức hướng dẫn thi hành các chế độ tài chính kế toán của Nhà nước.

Sơ đồ 2.2: MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ HOÀNG LONG

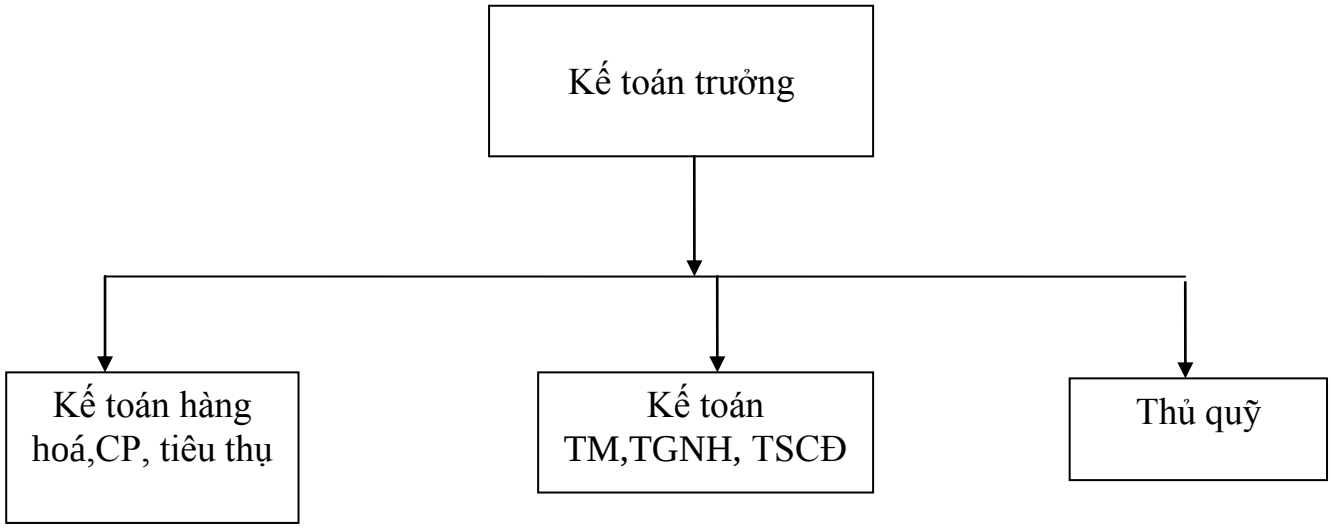

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác tài chính của công ty. Tổ chức điều hành, kiểm tra, chỉ đạo bộ máy kế toán thực hiện đúng pháp lệnh kế toán về ghi chép, luân chuyển chứng từ, quyết toán. xây dựng chiến lược tài chính, tham mưu cho giám đốc để có những quyết định đúng đắn có hiệu quả trong kinh doanh, quản lý vốn tài sản, hàng hoá.

Dưới kế toán trưởng là các nhân viên kế toán của các phần hành kế toán:

- ***Kế toán hàng hoá, chi phí và tiêu thụ:*** Theo dõi vấn đề tiêu thụ hàng hoá sao cho tiền và hàng vận động khớp nhau, theo dõi và xác định doanh thu, giá vốn, thuế, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, kết quả kinh doanh của công ty. Có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hoá.

- ***Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tài sản cố định:*** Theo dõi và đối chiếu với số dư với ngân hàng, thanh toán các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi trích khấu hao TSCĐ, tính đúng giá trị khấu hao tài sản cố định cho từng đối tượng sử dụng.

- ***Thủ quỹ:*** Là người duy nhất được giao nhiệm vụ bảo quản và thu chi tiền mặt hàng ngày, lên sổ quỹ để báo cáo với kế toán tiền mặt.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán vừa và nhỏ áp dụng theo QĐ 48 ngày 14/9/2006 của BTC.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 của năm, kết thúc ngày 31/12 của năm.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

<u>Sơ đồ 2.3</u>:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

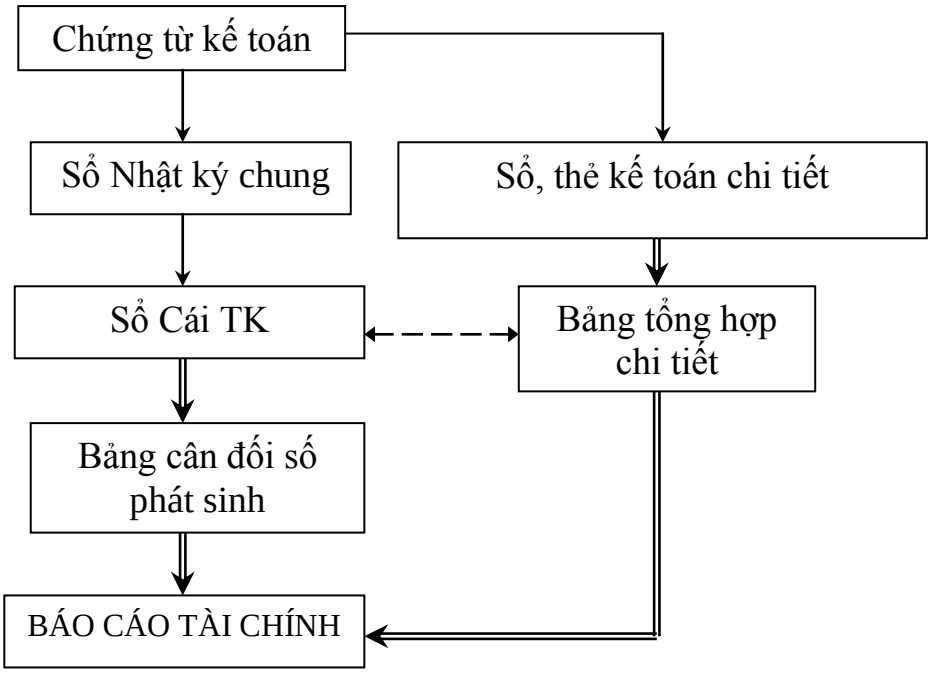

Ghi chú → Ghi hàng ngày ,

⟹ Ghi cuối năm, hoặc định kỳ

←→ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù

hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời ghi vào các sổ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết (lập từ các sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long.

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác

2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

- **Chứng từ sử dụng:**
  - Hóa đơn GTGT
  - Phiếu kế toán
  - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có…
  - Các chứng từ liên quan khác.
- **Tài khoản sử dụng:**
  - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
    - Tài khoản cấp 2: TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
    - Tài khoản cấp 3:
      + TK 51111: Doanh thu bán xi măng
      + TK 51112: Doanh thu bán thép
      + TK 51113: Doanh thu bán đá
      + TK 51114: Doanh thu bán cát
- **Phương thức bán hàng**: Phương thức bán hàng trực tiếp.
- **Hình thức thanh toán** :
  - Tiền mặt.
  - Chuyển khoản.

❖ **Phương pháp hạch toán**:

<u>Sơ đồ 2.4</u>: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long.

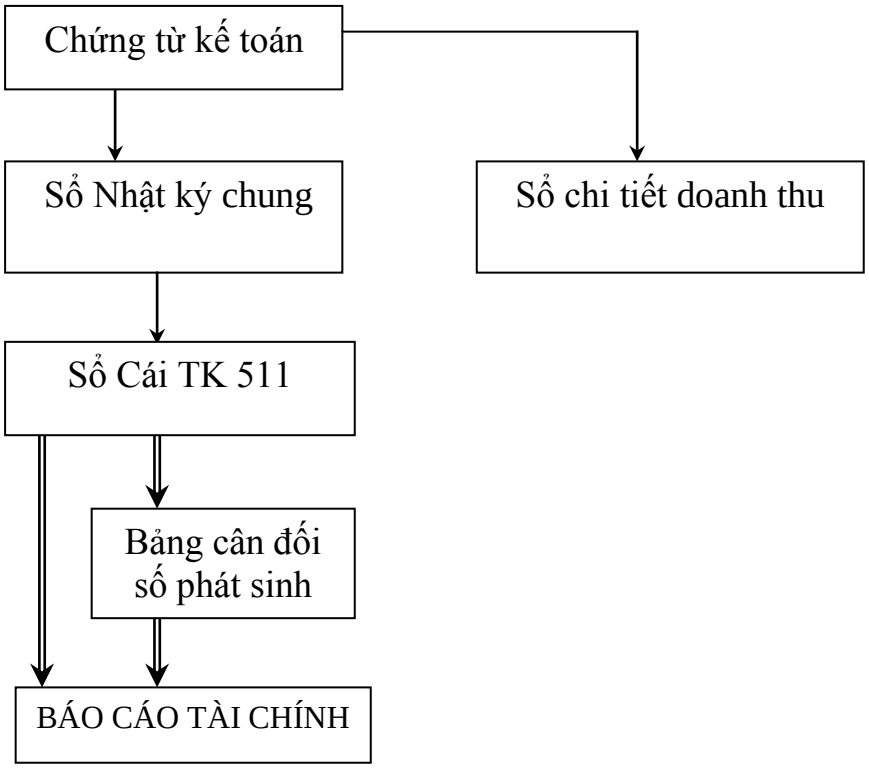

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

<u>Ví dụ 1</u>: Ngày 1/12/2011 xuất bán xi măng cho xí nghiệp xây dựng công trình Môi trường mỏ Hòn Gai - Công ty môi trường Vinacomin 140 tấn xi măng, đơn giá chưa thuế VAT 10% là 1.200.000. Đã thu bằng chuyển khoản.

Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán căn cứ vào HĐGTGT số 0000237 ghi vào Sổ Nhật Ký Chung, Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết doanh thu

Biểu 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000237

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT3/001**
Ký hiệu: **AA/11P**

(Liên 3: Nội bộ)

Số : 0000237

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH VŨ HOÀNG LONG**
Mã số thuế: **5700549637**
Địa chỉ: Số 744 - Đường Trần Phú - Phường Cẩm Thạch-Thị xã Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh
Số điện thoại: 033.3863523
Số tài khoản: 4411 000 000 8008 tại Ngân hàng BIDV Cẩm Phả - Quảng Ninh

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai - Công ty môi trường Vinacomin
Mã số thuế: 5700100425 - 012
Địa chỉ: Phường Cao Thắng – Thành phố Hạ Long – Quảng Ninh
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số Tài khoản:

Số TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x5
1	Xi măng bao Cẩm Phả PCB 40	Tấn	140	1.200.000	168.000.000

Cộng tiền hàng 168.000.000

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT 16.800.000

Tổng cộng tiền thanh toán 184.800.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi tư triệu , tám trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)*

(In tại công ty TNHH Phương Đông Hạ Long. ĐT: 033.3835705 / Mã số thuế 5700500737)

Biểu 2.2: Sổ nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011 **Đơn vi tính: đồng**

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			…….			
1/12	**HĐGTGT 0000237**	**1/12**	**Xuất bán XM bao KPK cho XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai**	**112 51111 3331**	**184.800.000**	**168.000.000 16.800.000**
			……			
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán đá 1x2 cho công ty TNHH Tùng Nam	131 51113 3331	2.750.000	2.500.000 250.000
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PCB 40 cho công ty TNHH Tùng Nam	131 51111 3331	322.250.852	292.955.320 29.295.532
			……			
15/12	HĐGTGT 0000264	15/12	Xuất bán cát Sông Lô cho công ty Cổ phần Hoa Mai	111 51114 3331	4.363.783	3.967.075 396.708
			…….			
19/12	HĐGTGT 0000285	19/12	Xuất kho bán thép D14 cho công ty tư nhân Phát Đạt	112 51112 3331	14.850.000	13.500.000 1.350.000
			……			
31/12	PKT 57	31/12	Kết chuyển doanh thu bán xi măng	51111 911	36.278.720.620	36.278.720.620
31/12	PKT 58	31/12	Kết chuyển doanh thu bán thép	51112 911	46.616.276	46.616.276
31/12	PKT 59	31/12	Kết chuyển doanh thu bán đá	51113 911	879.064.320	879.064.320
31/12	PKT 60	31/12	Kết chuyển doanh thu bán cát	51114 911	35.617.466	35.617.466
			……			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.3:Sổ cái TK 511

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
			……			
1/12	**HĐGTGT 0000237**	**1/12**	**Xuất bán XM bao KPK cho XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai**	**112**		**168.000.000**
			……			
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán đá 1x2 cho công ty TNHH Tùng Nam	131		2.500.000
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PCB 40 cho công ty TNHH Tùng Nam	131		292.955.320
			…….			
15/12	HĐGTGT 0000264	15/12	Xuất bán cát Sông Lô cho công ty Cổ phần Hoa Mai	111		3.967.075
			…….			
19/12	HĐGTGT 0000285	19/12	Xuất kho bán thép D14 cho công ty tư nhân Phát Đạt	112		13.500.000
			……			
31/12	PKT 57	31/12	KC doanh thu bán XM	911	36.278.720.620	
31/12	PKT 58	31/12	KCdoanh thu bán thép	911	46.616.276	
31/12	PKT 59	31/12	KC doanh thu bán đá	911	879.064.320	
31/12	PKT 60	31/12	KCdoanh thu bán cát	911	35.617.466	
			Cộng số phát sinh năm		**37.240.024.262**	**37.240.024.262**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.4: Sổ chi tiết TK 51111

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Năm 2011 Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK nợ	TK có	Tổng doanh thu	Chi tiết doanh thu			
Số hiệu	NT					TK 51111	TK 51112	TK 51113	TK 51114
		……..							
HĐGTGT 0000237	**1/12**	**Xuất bán XM bao KPK cho XNXDCT MT mỏ Hòn Gai**	**112**	**51111**	**168.000.000**	**168.000.000**			
HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán đá 1x2 cho cty TNHH Tùng Nam	131	51113	2.500.000			2.500.000	
HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PCB 40 cho cty TNHH Tùng Nam	131	51111	292.955.320	292.955.320			
HĐGTGT 0000239	3/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PCB 40	131	51111	179.088.000	179.088.000			
HĐGTGT 0000240	4/12	Xuất bán XM bao Cẩm Phả PKP cho công ty	112	51111	189.090.880	189.090.880			

		cổ phần đá Cẩm Thạch							
HĐGTGT 0000241	4/12	Xuất bán XM bao Cẩm Phả PKP cho công ty CP Hoa Mai	131	51111	60.863.627	60.863.627			
HĐGTGT 0000242	5/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PKP cho công ty tư nhân Quảng Đạt	112	51111	362.517.480	362.517.480			
HĐGTGT 0000242	5/12	Xuất bán XM bao Cẩm Phả PKP cho công ty TN Quảng Đạt	112	51111	17.045.460	17.045.460			
		……							
HĐGTGT 0000263	15/12	Xuất bán đá 1x2 cho công ty cổ phần TM Sơn Trường	112	51113	6.250.000			6.250.000	
HĐGTGT 0000263	15/12	Xuất bán cát sông Hồng cho công ty cổ phần TM Sơn Trường	112	51114	8.775.000				8.775.000
HĐGTGT 0000264	15/12	Xuất bán cát Sông Lô cho công ty Cổ phần Hoa Mai	111	51114	3.967.075				3.967.075
		…….							

HĐGTGT 0000285	19/12	Xuất kho bán thép D14 cho công ty tư nhân Phát Đạt	112	51112	13.500.000		13.500.000		
HĐGTGT 0000286	19/12	Xuất kho bán thép D6 cho công ty TNHH Tùng Hải	111	51112	500.000		500.000		
HĐGTGT 0000286	19/12	Xuất kho bán đá bây cho công ty TNHH Tùng Hải	111	51113	1.200.000			1.200.000	
		……							
		Cộng số phát sinh			**37.240.024.262**	**36.278.720.620**	**46.616.276**	**879.064.320**	**35.617.466**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ **Nội dung:** Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**:

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

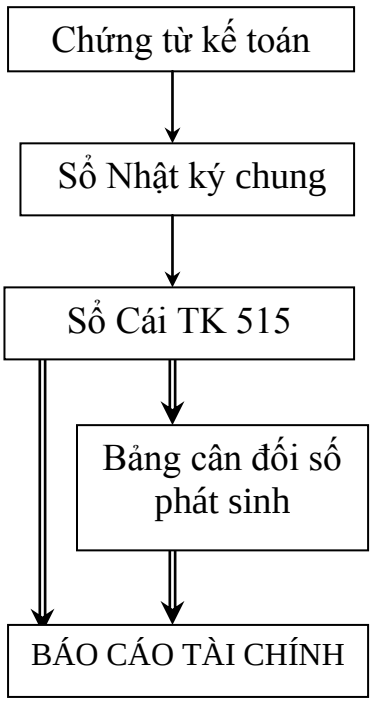

Ghi chú ⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

Ví dụ : Ngày 26/12/2011 công ty nhận được giấy báo có trả lãi của Ngân hàng Vietcombank về lãi tiền gửi tháng 12 được hưởng là 15.483

Căn cứ vào GBC 40/12 kế toán ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515.

Biểu 2.5: Giấy báo có trả lãi

Vietcombank Mã TTV: K166

Chi nhánh 14 Số cif:4442652

GIẤY BÁO CÓ TRẢ LÃI

Tên đơn vị: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long

Số tài khoản: 014100066889.1

Từ ngày	Đến ngày	Lãi	Tiền lãi
26/11/2011	25/12/2011	2,4%	15.483
		Tổng cộng	15.483

Thanh toán viên Trưởng phòng Giám đốc

Biểu 2.6: Sổ Nhật ký chung.

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán đá 1x2 cho công ty TNHH Tùng Nam	131 51113 3331	2.750.000	 2.500.000 250.000
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PCB 40 cho công ty TNHH Tùng Nam	131 51111 3331	322.250.852	 292.955.320 29.295.532
			.....			
25/12	PC 20/12	25/12	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng	112 111	30.000.000	 30.000.000
26/12	**GBC 40/12**	**26/12**	**Lãi tiền gửi**	**112 515**	**15.483**	 **15.483**
			.....			
28/12	GBC 42/12	28/12	Lãi tiền gửi	112 515	39.882	 39.882
			.....			
31/12	GBC 46/12	31/12	Lãi tiền gửi	112 515	159.805	 159.805
			.....			
31/12	PKT 61	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515 911	3.728.492	 3.728.492
			.....			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.7: Sổ cái TK 515

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 515: Doanh thu tài chính

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
			……..			
26/12	**GBC 40/12**	**26/12**	**Lãi tiền gửi**	**112**		**15.483**
28/12	GBC 42/12	28/12	Lãi tiền gửi	112		39.882
31/12	GBC 46/12	31/12	Lãi tiền gửi	112		159.805
31/12	PKT 61	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	3.728.492	
			Cộng số phát sinh năm		**3.728.492**	**3.728.492**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác.

❖ **Nội dung:**

- Thu từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định;
- Các khoản thu khác

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 711: Thu nhập khác

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

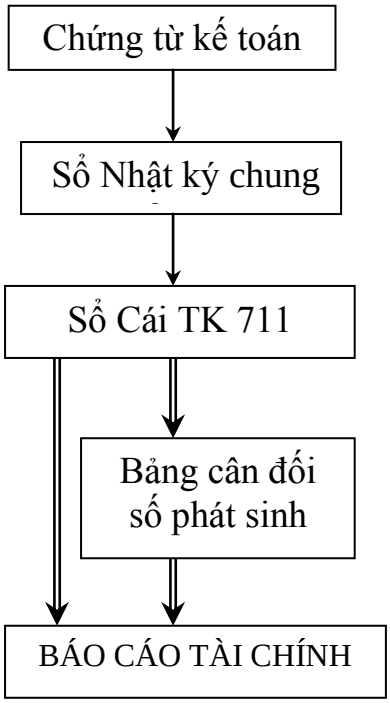

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

Ví dụ :

Ngày 21/12/2011 công ty nhận thông báo thưởng tháng 11 của cổ phần xi măng Cẩm Phả số tiền là 100.079.200. Số tiền trên được trừ luôn vào số tiền còn nợ công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả.

Căn cứ vào Thông báo thưởng tháng của công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711.

Biểu 2.8: Thông báo thưởng tháng 11

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẨM PHẢ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI NHÁNH HÀ NỘI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số : 390/2011/TB-TT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2011*

THÔNG BÁO THƯỞNG THÁNG

Tháng 11 năm 2011

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH VŨ HOÀNG LONG**

Công ty CP Xi măng Cẩm Phả xin gửi tới Quý Nhà phân phối lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác Quý vị trong thời gian qua.

Trong tháng 11 năm 2011, Quý Nhà phân phối đã đạt mức sản lượng bán hàng thực tế: **3.078** tấn xi măng bao và **1.925,96** tấn xi măng rời.

Căn cứ vào phụ lục hợp đồng số PL01/2011 và các văn bản thông báo, Quý nhà phân phối đạt được thưởng tháng như sau:

STT	Nội dung	Số lượng (tấn)	Đơn giá (VNĐ/tấn)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Thưởng tháng 11	5003,96	20.000	100.079.200	
Tổng cộng				**100.079.200**	

I. Kết luận:

Vậy, tổng số tiền thưởng tháng của Quý nhà phân phối là **100.079.200** đồng

(Bằng chữ: Một trăm triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng chẵn./.)

Thông báo này chỉ có hiệu lực trong tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CP XI MĂNG CẨM PHẢ
CHI NHÁNH HÀ NỘI

Biểu 2.9: Sổ nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			…….			
22/1	TBXM	22/1	Thưởng tháng 12/2010	331 711	117.811.200	 117.811.200
			……			
1/12	HĐGTGT 0077952	1/12	Mua xăng công tác	642 1331 111	3.040.000 288.000	 3.328.000
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán đá 1x2	131 511 3331	2.750.000	 2.500.000 250.000
2/12	HĐGTGT 0000238	2/12	Xuất bán XM rời Cẩm Phả PCB 40 cho công ty TNHH Tùng Nam	131 51111 3331	322.250.852	 292.955.320 29.295.532
			…….			
21/12	**TBXM**	**21/12**	**Thưởng tháng 11**	**331 711**	**100.079.200**	**100.079.200**
			…….			
26/12	GBC 40/12	26/12	Lãi tiền gửi	112 515	15.483	 15.483
			…….			
31/12	PKT 64	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	695.138.379	 695.138.379
			…….			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.10: Sổ cái TK 711

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 711: Thu nhập khác

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
22/1	TBXM	22/1	Thưởng tháng 12/2010	331		117.811.200
			…….			
21/12	**TBXM**	**21/12**	**Thưởng tháng 11**	**331**		**100.079.200**
31/12	PKT 64	31/12	Kết chuyển thu khác	911	695.138.379	
			Cộng số phát sinh năm		**695.138.379**	**695.138.379**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí khác.

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632: Giá vốn hàng bán

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

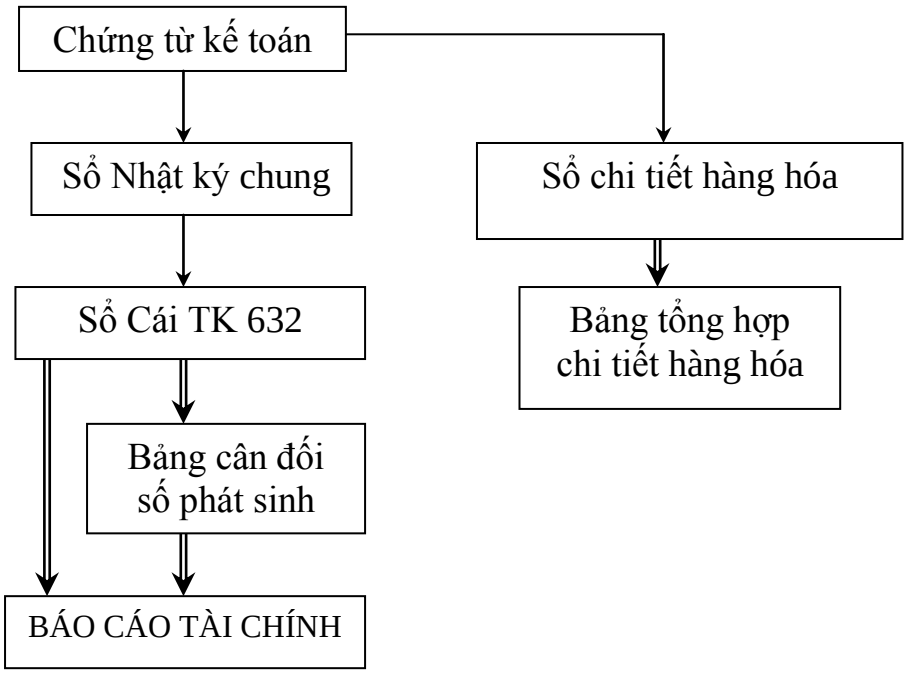

Ghi chú

⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng

❖ **Phương pháp tính giá vốn hàng bán**: Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Theo phương pháp này, cuối tháng kế toán tính đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình Quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ + trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn đầu kỳ + Số lượng thực tế hàng nhập trong kỳ}}$$

Căn cứ vào bảng kê phiếu xuất kho từng mặt hàng và giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ từng mặt hàng kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa. Từ sổ chi tiết hàng hóa kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa. Căn cứ vào tổng cột tiền xuất trong bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa kế toán lập phiếu kế toán để ghi nhận giá vốn hàng xuất bán trong tháng. Từ phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632.

Ví dụ : Ngày 1/12/2011 xuất bán xi măng Cẩm Phả bao KPK 140 tấn

Kế toán lập phiếu xuất kho số 01/12. Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi vào bảng kê xuất kho

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 01/12

Mẫu số : 02 - VT

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long — Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh — ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01/12/2011

Số: 01/12

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ và tên người nhận : Nguyễn Văn Tuy Địa chỉ: Lái xe công ty

Lý do xuất kho: Xuất bán XM cho XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai

Xuất tại kho số 1

TT	Tên vật tư – Hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	XM Cẩm Phả bao KPK	Tấn		140		
	Cộng xuất			140		

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.12: Bảng kê phiếu xuất kho mặt hàng xi măng bao Cẩm Phả KPK

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO

Tháng 12 năm 2011

Mặt hàng: Xi măng Cẩm Phả bao KPK

Đơn vị tính: Tấn

STT	Phiếu xuất kho		Diễn giải	Số lượng
	Ngày tháng	Số hiệu		
1	**1/12**	**01/12**	**Xuất bán cho XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai**	**140**
2	4/12	04/12	Xuất bán cho Công ty Cổ phần đá Cẩm Thạch	160
3	4/12	05/12	Xuất bán cho Công ty Cổ phần Hoa Mai	51
4	5/12	06/12	Xuất bán cho Công ty tư nhân Quảng Đạt	18
5	6/12	07/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Tiến Nhật	18
6	7/12	08/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Tùng Nam	193
7	7/12	11/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Thanh Loan	60
8	9/12	13/12	Xuất bán cho Công ty CP XD và TM Tuấn Lan	100
9	9/12	14/12	Xuất bán cho Công ty tư nhân Trường Thành	20
10	10/12	17/12	Xuất bán cho công ty TNHH vận tải Quang Phúc	20
11	11/12	18/12	Công ty CP SX TM Tuấn Hiền	20
12	11/12	21/12	Xuất bán cho XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai	18
13	13/12	23/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Thanh Loan	18
			……..	
			Tổng	**4288**

Cuối tháng 12, kế toán tính đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ của xi măng Cẩm Phả bao KPK

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ của XM bao KPK} = \frac{5.174.965.666 + 3.830.785.886}{4997 + 3601} = 1.047.424$$

Căn cứ vào bảng kê phiếu xuất kho cho xi măng Cẩm Phả bao KPK và giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ của xi măng Cẩm Phả bao KPK kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa - xi măng Cẩm Phả bao KPK. Từ sổ chi tiết hàng hóa - xi măng Cẩm Phả bao KPK kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa. Căn cứ vào tổng cột tiền xuất trong bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa kế toán lập phiếu kế toán số 55 để ghi bút toán phản ánh tổng giá vốn hàng xuất bán trong tháng 12. Từ phiếu kế toán 55 kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 632

Biểu 2.13: Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tên hàng hóa: Xi măng Cẩm Phả bao KPK

Tháng 12

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				Lượng	Thành tiền	Lượng	Thành tiền	Lượng	Thành tiền
			Tồn đầu tháng		**1.035.615**					**4997**	**5.174.965.666**
			Phát sinh trong tháng								
1/12	PN01/12	1/12	Mua XM CP bao KPK nhập kho	331	1.061.812	867	920.591.004			5864	6.095.639.111
10/12	PN04/12	10/12	Mua XM CP bao KPK nhập kho	112	1.080.199	2123	2.293.262.477			7987	8.388.901.588
11/12	PN05/12	11/12	Mua XM CP bao KPK nhập kho	112	1.010.183	621	627.323.643			8608	9.016.225.231
31/12	BKPXK	31/12	Xuất bán XM CP bao KPK T12		1.047.424			4288	4.491.354.112	4429	4.524.871.119
			Tổng số phát sinh			**3601**	**3.830.785.886**	**4288**	**4.491.354.112**		
			Tồn cuối tháng							**4429**	**4.514.397.440**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu Kế toán trưởng

Biểu 2.14: Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa

Mẫu số: S08 - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HÓA – TK 156

Tháng 12

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tồn đầu tháng		Nhập kho		Xuất kho			Tồn cuối tháng	
			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Giá xuất	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
	Tổng số chung			**6.507.456.897**		**5.902.890.679**			**7.623.563.764**		**4.786.783.812**
1	Đá 1 x2	M3	42	4.550.448	61	7.342.705	115.638	85	9.829.230	18	2.063.955
	……..										
10	Cát sông Hồng	M3	374	37.474.426	-	-	100,199	350	35.069.650	24	2.404.776
11	Thép D6 – D8	Kg	18	188.287	-	-	10.460	18	188.287	-	-
	……										
15	XM CP bao KPK	Tấn	4997	5.174.965.666	3601	3.830.785.886	1.047.424	4288	4.491.354.112	4429	4.514.397.440

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.15: Phiếu kế toán số 55 xác định giá vốn hàng bán tháng 12

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 55

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Giá vốn hàng bán	632		7.623.563.764	
Giá vốn hàng bán	156			7.623.563.764
Cộng			**7.623.563.764**	**7.623.563.764**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.16: Sổ Nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			…….			
31/1	PKT 05	31/1	Xác định Giá vốn hàng bán tháng 1	632 156	3.670.432.679	3.670.432.679
			……			
28/2	PKT 11	28/2	Xác định Giá vốn hàng bán tháng 2	632 156	3.780.468.235	3.780.468.235
			…….			
30/6	PKT 29	30/6	Xác định Giá vốn hàng bán tháng 6	632 156	2.457.573.586	2.457.573.586
			…….			
21/12	TBXM	21/12	Thưởng tháng 11	331 711	100.079.200	100.079.200
			……			
31/12	**PKT 55**	**31/12**	**Xác định Giá vốn hàng bán tháng 12**	**632 156**	**7.623.563.764**	**7.623.563.764**
31/12	PKT 56	31/12	Kết chuyển giá vốn	911 632	35.685.372.716	35.685.372.716
			……			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.17: Sổ cái TK632

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 632: Giá vốn hàng bán

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
31/1	PKT 05	31/1	Xác định Giá vốn hàng bán tháng 1	156	5.670.432.679	
28/2	PKT 11	28/2	Xác định Giá vốn hàng bán tháng 2	156	5.780.468.235	
			……..			
30/6	PKT 29	30/6	Xác định Giá vốn hàng bán tháng 6	156	2.457.573.586	
			……			
31/12	**PKT 55**	**31/12**	**Xác định Giá vốn hàng bán tháng 12**	**156**	**7.623.563.764**	
31/12	PKT 56	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		35.685.372.716
			Cộng số phát sinh năm		**35.685.372.716**	**35.685.372.716**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí quản lý kinh doanh.

❖ **Nội dung:**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh là chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế phí, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản cháy nổ…), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, công tác phí,…)(giá có thuế hoặc chưa có thuế giá trị gia tăng), chi phí nhiên liệu, chi phí vật tư và sửa chữa.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao…
- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

❖ **Phương pháp hạch toán:**

<u>Sơ đồ 2.8</u>: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

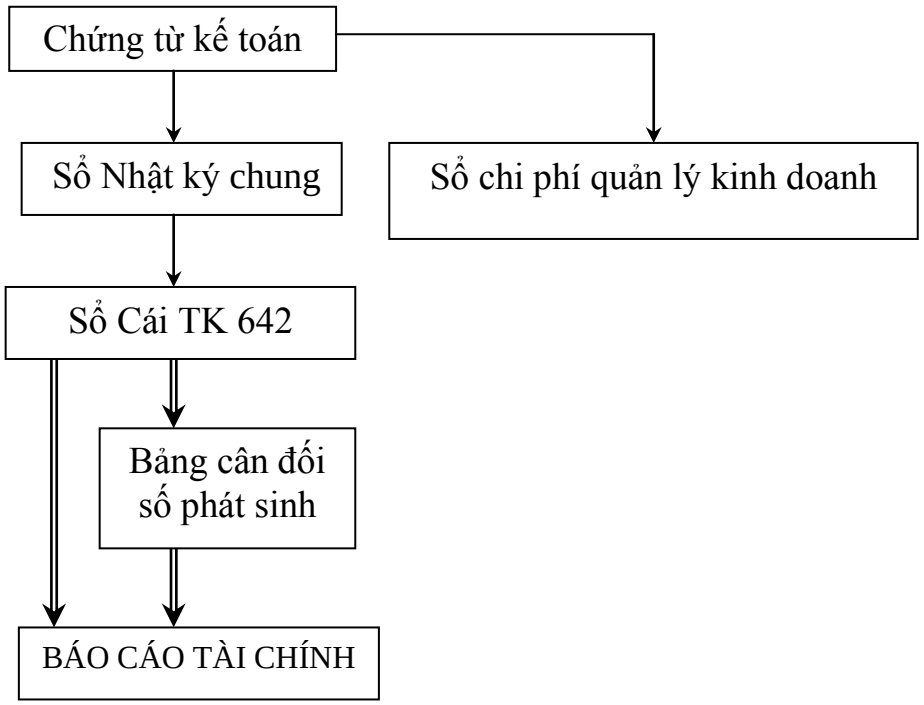

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

<u>Ví dụ 1 :</u> Ngày 1/12/2011 Công ty mua xăng đi công tác đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0077952 kế toán lập phiếu chi số 01/12 rồi kế toán ghi vào sổ chi phí quản lý kinh doanh, Nhật ký chung, sổ cái TK 642.

Biểu 2.18: Hóa đơn Giá trị Gia tăng số 0077952

CÔNG TY XĂNG DẦU B12 **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Mẫu số:01GTKT3/001
Ký hiệu: QN/11P
Số hóa đơn: 0077952

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp xăng dầu Quảng Ninh

Địa chỉ: Phường Hà Khẩu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101690-012

Chứng từ số: 54-43943

Cửa hàng: Cửa hàng xăng dầu số 02 Cẩm Thạch

Người mua hàng: VŨ ĐỨC TRỌNG
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH VŨ HOÀNG LONG
Địa chỉ: CẨM THẠCH, CẨM PHẢ, QUẢNG NINH

MST: 5700549637

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

(Liên 2: Giao người mua)					
STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng Ron 92	Lít	160	18.000	2.880.000
		Cộng tiền hàng			2.880.000
		Tiền thuế GTGT : (10%)			288.000
		Tiền phí xăng dầu : (100đ/L)			160.000
		Tổng tiền thanh toán			3.328.000

Số tiền bằng chữ: *(Ba triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng chẵn)*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐT: (033) 3846514 – Fax: (033) 3845049

Biểu 2.19: Phiếu chi số 01/12

Mẫu số : 02 - TT

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 1/12/2011 Số: 01/12

Nợ: TK642 TK1331

Có: TK 111

Người nhận tiền: Vũ Đức Trọng

Địa chỉ : Giám đốc Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

Lý do chi : Thanh toán tiền xăng đi công tác

Số tiền : 3.328.000

Bằng chữ : Ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn./

Kèm theo……01……chứng từ gốc HĐGTGT số 0077952

Ngày 1 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	**Kế toán trưởng**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**	**Thủ quỹ**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.20: Sổ chi phí quản lý kinh doanh

Mẫu số: S18 - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH NĂM 2011

Tài khoản: TK 642

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 642 ghi có các TK								
	Số hiệu	NT			**Tổng tiền**	Chi phí bằng tiền khác	Thuế, phí, lệ phí	Tiền lương	DV mua ngoài	VPP+CCDC	Nhiên liệu	Khấu hao	V.Tư Và SC
			Số dư dầu năm										
			SPS trong năm										
			……..										
1/12	**HĐGTGT0077952**	**1/12**	**Mua xăng công tác**	**111**	**3.040.000**						**3.040.000**		
4/12	HĐGTGT0078023	4/12	Mua xăng công tác	111	2.850.000						2.850.000		
5/12	HĐGTGT0007865	5/12	Mua văn phòng phẩm	111	550.000					550.000			
			……										
31/12	BKH	31/12	Trích KHTSCĐ	214	3.235.000							3.235.000	
31/12	BL	31/12	Lương phải Trả BPQL	334	52.030.000			52.030.000					
			Cộng SPS trong năm		**1.134.512.784**	**195.000.000**	**41.163.468**	**615.795.000**	**72.883.471**	**36.953.138**	**106.907.707**	**38.820.000**	**26.990.000**
31/12	PKT 63	31/12	**Ghi có TK 642**	**911**	**1.134.512.784**								
			Số dư cuối năm										

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.21: Sổ Nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			……..			
31/1	BL	31/1	Lương phải trả bộ phận quản lý	642 334	51.034.400	 51.034.400
			……..			
1/12	**HĐGTGT 0077952**	**1/12**	**Mua xăng công tác**	**642 1331 111**	**3.040.000 288.000**	 **3.328.000**
			……..			
5/12	HĐGTGT 0007865	5/12	Mua văn phòng phẩm	642 1331 111	550.000 55.000	 605.000
			…….			
31/12	BKH	31/12	Trích KHTSCĐ	642 214	3.235.000	 3.235.000
31/12	BL	31/12	Lương phải trả bộ phận quản lý	642 334	52.030.000	 52.030.000
			……..			
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí quản lý kinh doanh	911 642	1.134.512.784	 1.134.512.784
			……			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.22: Sổ cái TK 642

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
			……			
1/12	**HĐGTGT 0077952**	**1/12**	**Mua xăng công tác**	**111**	**3.040.000**	
			…….			
5/12	HĐGTGT 0007865	5/12	Mua văn phòng phẩm	111	550.000	
			..….			
31/12	BKH	31/12	Trích KHTSCĐ	214	3.235.000	
31/12	BL	31/12	Lương phải trả bộ phận quản lý	334	52.030.000	
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí quản lý kinh doanh	911		1.134.512.784
			Cộng SPS năm		**1.134.512.784**	**1.134.512.784**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.

❖ **Nội dung:**

Chi phí hoạt động tài chính : Chủ yếu là lãi vay phải trả ngân hàng

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ…
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**:

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

❖ **Phương pháp hạch toán:**

<u>Sơ đồ 2.7</u>: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

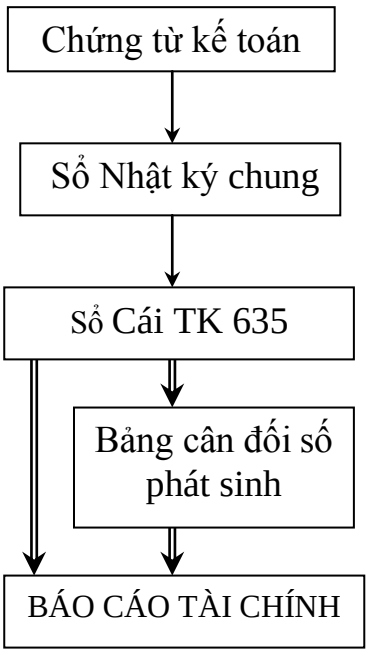

Ghi chú ⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

Ví dụ : Ngày 20/12/2011, Công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc trả lãi vay số tiền là 6.514.235 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo nợ số 04/12 kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 635

Biểu 2.23: Giấy báo nợ

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

CẨM PHẢ

Tổ 41, Bà Triệu, Phường Cẩm Đông, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Kính gửi: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ HOÀNG LONG**

Địa chỉ: Số 744 đường Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Tài khoản số: 501100001991

Nội dung: Lãi vay tháng 12

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI
TK Nợ:
TK Có:

Số tiền: 6.514.235 đồng

Viết bằng chữ: Sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm ba mươi năm đồng.

Sổ phụ	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.24: Sổ Nhật ký chung.

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			……			
6/1	GBN 12/01	6/1	Trả lãi vay	635 1121	1.041.668	 1.041.668
			……			
31/1	BL	31/1	Lương phải trả bộ phận quản lý	642 334	51.034.400	 51.034.400
			……			
1/12	HĐGTGT 0077952	1/12	Mua xăng công tác	642 1331 111	3.040.000 288.000	 3.328.000
			……			
2/12	GBN 05/12	2/12	Trả lãi vay	635 1121	417.210	 417.210
9/12	GBN 15/12	9/12	Trả lãi vay	635 1121	2.385.754	 2.385.754
			……..			
20/12	**GBN 35/12**	**20/12**	**Trả lãi vay**	**635 1121**	**6.514.235**	 **6.514.235**
			……			
31/12	PKT 62	31/12	KC Chi phí tài chính	911 635	803.006.677	 803.006.677
			……			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.25: Sổ cái TK 635

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 635: Chi phí tài chính

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
6/1	GBN 12/01	6/1	Trả lãi vay	1121	1.041.668	
			……..			
2/12	GBN 05/12	2/12	Trả lãi vay	1121	417.210	
9/12	GBN 15/12	9/12	Trả lãi vay	1121	2.385.754	
			……..			
20/12	**GBN 35/12**	**20/12**	**Trả lãi vay**	**1121**	**6.514.235**	
			…….			
31/12	PKT 62	31/12	KC Chi phí hoạt động tài chính	911		803.006.677
			Cộng SPS năm		**803.006.677**	**803.006.677**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác.

❖ **Nội dung:**

Chi phí khác của các doanh nghiệp gồm:

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 811: Chi phí khác

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

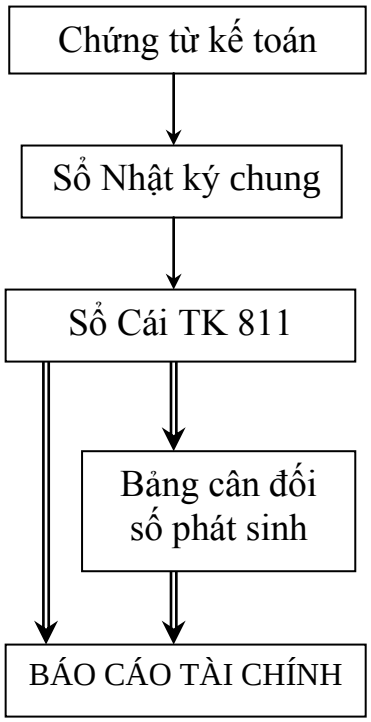

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

Ví dụ: Ngày 15/09/2011 Công ty nộp phạt thuế theo QĐ 1147 số tiền là 3.406.790, truy thu thuế GTGT 1.250.550 và truy thu thuế TNDN 15.267.234. Căn cứ vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811

Biểu 2.26: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Không ghi vào khu vực này	**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** **Tiền mặt** ☐ **Chuyển khoản** ☑	Mẫu số: C1-02/NS Theo TT số /TT-BTC Ngày / / của BTC Mã hiệu:…….

Người nộp thuế: **Công ty TNHH Vũ Hoàng Long** Mã số thuế: **5700549637**
Địa chỉ: Số 744 đường Trần Phú, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
Nộp phạt theo: **QĐ số 1147 – Ngày 12/09/2011**

Người nộp thay:……Mã số thuế người nộp thay…….

Đề nghị KBNN (NH) BIDV Cẩm Phả trích TK số 4411 000 000 8008

Hoặc thu bằng tiền mặt. Để nộp vào NSNN ☐ (hoặc) TK tạm thu ☐ của cơ quan thu……. tại KBNN thị xã Cẩm Phả. Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế thị xã Cẩm Phả. Mã QHNS:1054618.

Tờ khai HQ số:…….ngày……QĐ số……..ngày…….(hoặc) Bảng kê số……ngày……..

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
	Truy thu thuế GTGT	754	1701		1.250.550
	Truy thu thuế TNDN	754	1052		15.267.234
	Phạt hành chính	754	4254		3.406.790
Tổng cộng					**19.924.574**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: *Mười chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng./.*

PHẦN KBNN GHI
Mã quỹ:……..Mã ĐBHC:…….. Nợ TK:……...
Mã KBNN……...Mã nguồn NS……...Có TK:……

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG A		
Ngày 15 tháng 09 năm 2011			Ngày 15 tháng 09 năm 2011		
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán		Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG B		KHO BẠC NHÀ NƯỚC		
Ngày …..tháng…..năm…..		Ngày …..tháng…..năm…..		
Kế toán	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Kế toán	Kế toán trưởng

Biểu 2.27: Sổ nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			…….			
15/09	**GNT**	**15/09**	**Công ty nộp phạt thuế theo QĐ 1147**	**811** **1121**	**19.924.574**	**19.924.574**
			…….			
1/12	HĐGTGT 0000237	1/12	Xuất bán xi măng bao KPK	112 51111 3331	184.800.000	 168.000.000 16.800.000
1/12	HĐGTGT 0077952	1/12	Mua xăng công tác	642 1331 111	3.040.000 288.000	 3.328.000
			……..			
20/12	GBN 35/12	20/12	Trả lãi vay	635 1121	6.514.235	 6.514.235
			…….			
31/12	BL	31/12	Lương phải trả bộ phận quản lý	642 334	52.034.000	 52.034.000
			……...			
31/12	PKT 65	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911 811	19.924.574	 19.924.574
			……..			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.28: Sổ cái TK 811

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 811: Chi phí khác

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
15/09	**GNT**	**15/09**	**Công ty nộp phạt thuế theo QĐ 1147**	**1121**	**19.924.574**	
31/12	PKT 65	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		19.924.574
			Cộng SPS năm		**19.924.574**	**19.924.574**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**
  - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

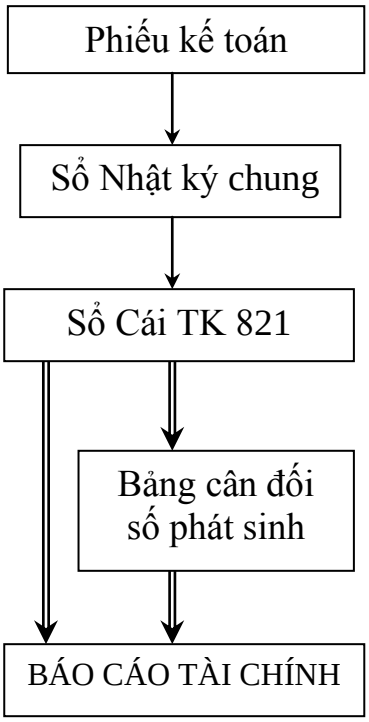

Ghi chú → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối năm

Ví dụ: Cuối năm, kế toán xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác - Giá vốn - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh - Chi phí khác

= 37.240.024.262 + 3.728.492 + 695.138.379 - 35.685.372.716 - 803.006.677 - 1.134.512.784 - 19.924.574 = 296.074.386

Chi phí Thuế TNDN = lợi nhuận trước thuế x 25%

= 296.074.386 x 25%= 74.018.597

Kế toán lập phiếu kế toán số 66 để ghi lại bút toán xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Căn cứ vào phiếu kế toán số 66 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 821

Biểu 2.29: Phiếu kế toán số 66 XĐ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 66

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Xác định Thuế TNDN	8211		74.018.597	
Xác định Thuế TNDN	3334			74.018.597
Cộng			**74.018.597**	**74.018.597**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.30: Sổ nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			……..			
15/09	GNT	15/09	Công ty nộp phạt thuế theo QĐ 1147	811 1121	19.924.574	 19.924.574
			……			
1/12	HĐGTGT 0000237	1/12	Xuất bán xi măng bao KPK	112 51111 3331	184.800.000	 168.000.000 16.800.000
1/12	HĐGTGT 0077952	1/12	Mua xăng công tác	642 1331 111	3.040.000 288.000	 3.328.000
			……..			
20/12	GBN 35/12	20/12	Trả lãi vay	635 1121	6.514.235	 6.514.235
			…….			
31/12	**PKT 66**	**31/12**	**Xác định số thuế TNDN phải nộp**	**821 3334**	**74.018.597**	 **74.018.597**
31/12	PKT 67	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911 821	74.018.597	 74.018.597
			……..			
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.31: Sổ cái TK 821

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
31/12	**PKT 66**	**31/12**	**Xác định số thuế TNDN phải nộp**	**3334**	**74.018.597**	
31/12	PKT 67	31/12	Kết chuyển TTNDN	911		74.018.597
			Cộng SPS năm		**74.018.597**	**74.018.597**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- Chứng từ sử dụng:
  - Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
  - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
  - TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Ví dụ :

Cuối năm, kế toán thực hiện xác định kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty. Kế toán lập phiếu kế toán để ghi bút toán kết chuyển. Căn cứ vào phiếu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái 911 và sổ cái 421

Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 56 kết chuyển TK 632=>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 56

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		35.685.372.716	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	632			35.685.372.716
Cộng			**35.685.372.716**	**35.685.372.716**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.33: Phiếu kế toán số 57 kết chuyển TK 51111=>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 57

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu bán XM	51111		36.278.720.620	
Kết chuyển doanh thu bán XM	911			36.278.720.620
Cộng			**36.278.720.620**	**36.278.720.620**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.34: Phiếu kế toán số 58 kết chuyển TK 51112=>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 58

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu bán thép	51112		46.616.276	
Kết chuyển doanh thu bán thép	911			46.616.276
Cộng			**46.616.276**	**46.616.276**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.35: Phiếu kế toán số 59 kết chuyển TK 51113=>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 59

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu bán đá	51113		879.064.320	
Kết chuyển doanh thu bán đá	911			879.064.320
Cộng			**879.064.320**	**879.064.320**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.36: Phiếu kế toán số 60 kết chuyển TK 51114=>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 60

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu bán cát	51114		35.617.466	
Kết chuyển doanh thu bán cát	911			35.617.466
Cộng			**35.617.466**	**35.617.466**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.37: Phiếu kế toán số 61 kết chuyển TK 515 =>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 61

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu tài chính	515		3.728.492	
Kết chuyển doanh thu tài chính	911			3.728.492
Cộng			**3.728.492**	**3.728.492**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.38: Phiếu kế toán số 62 kết chuyển TK 635 =>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 62

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		803.006.677	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635			803.006.677
Cộng			**803.006.677**	**803.006.677**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.39: Phiếu kế toán 63 kết chuyển TK 642 =>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 63

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.134.512.784	
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642			1.134.512.784
Cộng			**1.134.512.784**	**1.134.512.784**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.40: Phiếu kế toán 64 kết chuyển TK 711 =>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 64

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển thu nhập khác	711		695.138.379	
Kết chuyển thu nhập khác	911			695.138.379
Cộng			**695.138.379**	**695.138.379**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.41: Phiếu kế toán 65 kết chuyển TK 811 =>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 65

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển chi phí khác	911		19.924.574	
Kết chuyển chi phí khác	811			19.924.574
Cộng			**19.924.574**	**19.924.574**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.42: Phiếu kế toán 67 kết chuyển TK 821 =>911

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 67

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		74.018.597	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821			74.018.597
Cộng			**74.018.597**	**74.018.597**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.43: Phiếu kế toán 68 kết chuyển TK 911 =>421

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số phiếu: 68

DIỄN GIẢI	SHTK	Vụ việc	SỐ PHÁT SINH	
			Nợ	Có
Kết chuyển lãi	421		222.055.789	
Kết chuyển lãi	911			222.055.789
Cộng			**222.055.789**	**222.055.789**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Biểu 2.44: Sổ nhật ký chung

Mẫu số:S03a - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	SỐ PHÁT SINH	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			…….			
31/12	PKT 56	31/12	KC giá vốn hàng bán	911 632	35.685.372.716	35.685.372.716
31/12	PKT 57	31/12	KC doanh thu bán XM	51111 911	36.278.720.620	36.278.720.620
31/12	PKT 58	31/12	KC doanh thu bán thép	51112 911	46.616.276	46.616.276
31/12	PKT 59	31/12	KC doanh thu bán đá	51113 911	879.064.320	879.064.320
31/12	PKT 60	31/12	KC doanh thu bán cát	51114 911	35.617.466	35.617.466
31/12	PKT 61	31/12	KC doanh thu tài chính	515 911	3.728.492	3.728.492
31/12	PKT 62	31/12	KC Chi phí tài chính	911 635	803.006.677	803.006.677
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí quản lý kinh doanh	911 642	1.134.512.784	1.134.512.784
31/12	PKT 64	31/12	KC thu nhập khác	711 911	695.138.379	695.138.379
31/12	PKT 65	31/12	KC chi phí khác	911 811	19.924.574	19.924.574
31/12	PKT 66	31/12	XĐ TTNDN phải nộp	821 3334	74.018.597	74.018.597
31/12	PKT 67	31/12	KC CP TTNDN	911 821	74.018.597	74.018.597
31/12	PKT 68	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	222.055.789	222.055.789
			Tổng Cộng		**395.040.890.569**	**395.040.890.569**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.45: Sổ cái TK 911

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

Đơn vi tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
31/12	PKT 56	31/12	KC giá vốn hàng bán	632	35.685.372.716	
31/12	PKT 57	31/12	KC doanh thu bán XM	51111		36.278.720.620
31/12	PKT 58	31/12	KC doanh thu bán thép	51112		46.616.276
31/12	PKT 59	31/12	KC doanh thu bán đá	51113		879.064.320
31/12	PKT 60	31/12	KC doanh thu bán cát	51114		35.617.466
31/12	PKT 61	31/12	KC doanh thu tài chính	515		3.728.492
31/12	PKT 62	31/12	KC Chi phí tài chính	635	803.006.677	
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí quản lý kinh doanh	642	1.134.512.784	
31/12	PKT 64	31/12	KC thu nhập khác	711		695.138.379
31/12	PKT 65	31/12	KC chi phí khác	811	19.924.574	
31/12	PKT 67	31/12	KC CP TTNDN	821	74.018.597	
31/12	PKT 68	31/12	Kết chuyển lãi	421	222.055.789	
			Cộng SPS năm		**37.938.885.550**	**37.938.885.550**
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Biểu 2.46: Sổ cái TK 421

Mẫu số: S03b - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		**96.977.835**	
			Số phát sinh trong năm			
31/12	PKT 68	31/12	Kết chuyển lãi	911		222.055.789
			Cộng SPS năm			**222.055.789**
			Số dư cuối năm			**125.077.954**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ HOÀNG LONG

3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long.

3.1.1. Kết quả đạt được.

Qua thời gian thực tập tại công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

❖ **Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi kế toán viên đảm nhận những chức năng nhiệm vụ riêng. Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo và điều hành các nhân viên trong phòng kế toán – Thống kê, kế toán trưởng nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, chính xác để từ đó phát hiện những sai sót và có biện pháp xử lý kịp thời. Mặt khác giữa các kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau cũng có sự phối hợp thường xuyên để hạch toán các phần hành có liên quan.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiên nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý và phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao (trình độ cao đẳng trở lên) và giàu kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình trong công việc chính vì thế công tác kế toán tại công ty được thực hiện khá chính xác, chuyên nghiệp và hiệu quả.

❖ **Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- *Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng*

- Các chứng từ kế toán sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính.

- *Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán:*

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho công tác ghi chép, quản lý kế toán của công ty

- Các sổ kế toán được phản ánh đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu quản lý về đối chiếu kiểm tra từ đó tránh những sai sót.

- *Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và XĐ kết quả kinh doanh tại công ty:*

- **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời và đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.

- **Về kế toán chi phí:** Công ty hạch toán hàng toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ là hoàn toàn phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty. Tất cả các chi phí phát sinh được cập nhập đầy đủ vào sổ sách công ty.

- **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

Cuối năm, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính để trình lên giám đốc. Nhờ sự hỗ trợ của đội

ngũ kế toán nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, kết quả về hoạt động kinh doanh của công ty luôn được cung cấp một cách chính xác, kịp thời.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long còn có những mặt hạn chế sau:

❖ **Về tài khoản sử dụng:**

Hiện nay, công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 511 để theo dõi doanh thu cho từng mặt hàng cụ thể và chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh

❖ **Về sổ sách sử dụng:**

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng nên không theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận cho từng mặt hàng. Dẫn đến khó theo dõi được mặt hàng nào tiêu thụ nhanh và ngược lại, ảnh hưởng tới quyết định quản trị của lãnh đạo doanh nghiệp

❖ **Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán trong tiêu thụ**

- *Chiết khấu thương mại:* công ty không áp dụng chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn thì sẽ không kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm chậm khả năng tiêu thụ hàng.
- *Chiết khấu thanh toán*: công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn làm chậm khả năng thu hồi vốn.

❖ **Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:**

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn kém nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhập và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhập thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ; tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả…

❖ **Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Hiện nay, công ty có một số khách hàng chưa thanh toán khi đã quá hạn thanh toán 6 tháng nhưng công ty không trích lập Dự phòng phải thu khó đòi.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long

3.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK 511 để theo dõi doanh thu cho từng mặt hàng cụ thể và mở tài khoản chi tiết cho TK 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh.

❖ **Cụ thể như sau:**

✓ TK 511111: Doanh thu xi măng Cẩm Phả bao KPK

+ TK 511112: Doanh thu xi măng rời Cẩm Phả PCB 40

✓ TK 511121: Doanh thu bán thép D6 – D8

+ TK 511122: Doanh thu bán thép D10 – D12

+ TK 511123: Doanh thu bán thép D14 – D22

✓ TK 511131: Doanh thu bán đá 1 x 2

+ TK 511132: Doanh thu bán đá 2 x 4

+ TK 511133: Doanh thu bán đá 4 x 6

+ TK 511134: Doanh thu bán đá 0,5 x 10

+ TK 511135: Doanh thu bán đá bây

+ TK 511136: Doanh thu bán đá mạt

+ TK 511137: Doanh thu bán đá hộc bốc

+ TK 511138: Doanh thu bán đá hộc xúc

✓ TK 511131: Doanh thu bán cát sông Hồng

+ TK 511132: Doanh thu bán cát sông Lô

✓ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ TK 64221: Chi phí tiền lương nhân viên

+TK 64222: Chi phí vật tư và sửa chữa

+ TK 64223:Chi phí văn phòng phẩm và công cụ dụng cụ

+ TK 64224: Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 64225: Chi phí thuế phí, lệ phí

+ TK 64226: Chi phí nhiên liệu

+ TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

3.2.2 Hoàn thiện sổ sách sử dụng:

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng để theo dõi Doanh thu, Giá vốn, Lợi nhuận gộp của từng mặt hàng từ đó thấy được mặt hàng nào tiêu thụ mạnh, mặt hàng nào tiêu thụ chậm, giúp nhà quản trị có được những quyết định kinh doanh đúng đắn.

Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng như sau:

Biểu 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Mẫu số:S17 - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Cộng số PS - Dthu thuần - Gv hàng bán - Lãi gộp						

Ngày tháng năm

Người ghi sổ **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Ví dụ mở sổ chi tiết cho mặt hàng xi măng Cẩm Phả bao KPK

Biểu 3.2: Sổ chi tiết bán hàng TK 511111

Mẫu số:S17 - DNN

Công ty TNHH Vũ Hoàng Long
744, Trần Phú, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Xi măng Cẩm Phả bao KPK

Năm 2011

Nt gs	Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			…….						
1/12	**HĐGTGT 0000237**	**1/12**	**Xuất bán xi măng bao Cẩm Phả PKP**	**112**	**140**	**1.200.000**	**168.000.000**		
4/12	HĐGTGT 0000240	4/12	Xuất bán xi măng bao Cẩm Phả PKP	112	160	1.181.818	189.090.880		
4/12	HĐGTGT 0000241	4/12	Xuất bán xi măng bao Cẩm Phả PKP	131	51	1.193.404	60.863.627		
5/12	HĐGTGT 0000242	5/12	Xuất bán xi măng bao Cẩm Phả PKP	112	18	946.970	17.045.460		
6/12	HĐGTGT 0000244	6/12	Xuất bán xi măng bao Cẩm Phả PKP	131	18	1.000.000	18.000.000		
			……..						
31/12	PKT 37	31/12	KC Doanh thu bán xi măng Cẩm Phả bao PKP				28.678.075.459		
			Cộng số PS - Dthu thuần - Gv hàng bán - Lãi gộp				28.678.075.45928 .678.075.459 27.680.675.098 997.400.361		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ *(Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng *(Ký, họ tên)*

3.2.3 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu thanh toán trong tiêu thụ hàng hóa

❖ **Đối với chính sách chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp bán đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng (sản phẩm hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Tỷ lệ chiết khấu: Hiện nay, không có một văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên "Hóa đơn (GTGT)" hoặc"Hóa đơn bán hàng" lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi Chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

Lần mua cuối cùng được xác định dựa trên hợp đồng kinh tế giữa các bên. Do đó, trường hợp công ty và các đại lý ký kết hợp đồng kinh tế, trong đó xác định ngày 31/12 hàng năm là ngày xác định công nợ và thực hiện chiết khấu thì ngày 31/12 được coi là ngày mua cuối cùng để thực hiện việc điều chỉnh giảm giá.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khi thanh toán tiền cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền theo đúng quy định cho khách hàng. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thượng mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại:

- Tài khoản sử dụng TK 521: Chiết khấu thương mại
- Phương pháp hạch toán

B1: Khi phát sinh chiết khấu thương mại ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 33311: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131, 111, 112:

B2: Cuối năm, kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang Tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

❖ **Đối với chiết khấu thanh toán**

Chiết khấu thanh toán: Là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm tăng khả năng thu hôi vốn của doanh nghiệp, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Xây dựng tỷ lệ chiết khấu: Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa ra những tỷ lệ (%) chiết khấu phù hợp. Nhưng công ty cũng có thể tham khảo một số doanh ngiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, tình hình trả nợ trước thời hạn, tỷ lệ lãi suất ngân hàng… Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần chú ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.

- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có bù đắp được thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không?

Phương pháp hạch toán chiết khấu thanh toán:

- Tài khoản sử dụng TK 635 – " Chi phí hoạt động tài chính"

- Phương pháp hạch toán:

B1. Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112…

B2. Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

3.2.4. Sử dụng phần mềm kế toán

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

❖ **Ít tốn thời gian***:* Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in.

❖ **Chính xác***:* Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.

❖ **Dễ sử dụng***:* Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ

thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.

❖ **Phát triển theo công ty:** Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Bên cạnh đó việc sử dụng phần mềm còn giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán doanh nghiệp. Cụ thể:

❖ **Đối với ban quản lý:**

+ Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.

+ Có được câu trả lời nhanh từ bộ phận kế toán các câu hỏi có liên quan tới sản xuất kinh doanh.

+ Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo ít nhất 50%.

+ Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

+ Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin trên cơ sở dữ liệu tài chính của công ty.

+ Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động cả khả năng đáp ứng. Từ đó, có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.

❖ **Đối với bộ phận kế toán tài chính:**

+ Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ Tài Chính và pháp luật Việt Nam.

+ Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo các quy định.

+ Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban lãnh đạo.

+ Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của Ban lãnh đạo liên quan đến các con số: Doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền tại quỹ và ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa…

+ Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

❖ **Đối với các bộ phận khác:** Quan hệ giữa các phòng ban trở lên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh. Phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, công ty có thể lựa chon một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mìnhnhư phần mềm kế toán MISA, phần mềm kế toán SASINNOVA, phần mềm kế toán FAST

❖ *Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012*

Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng

Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

❖ *Phần mềm kế toán FAST*

Giao diện phần mềm kế toán Fast:

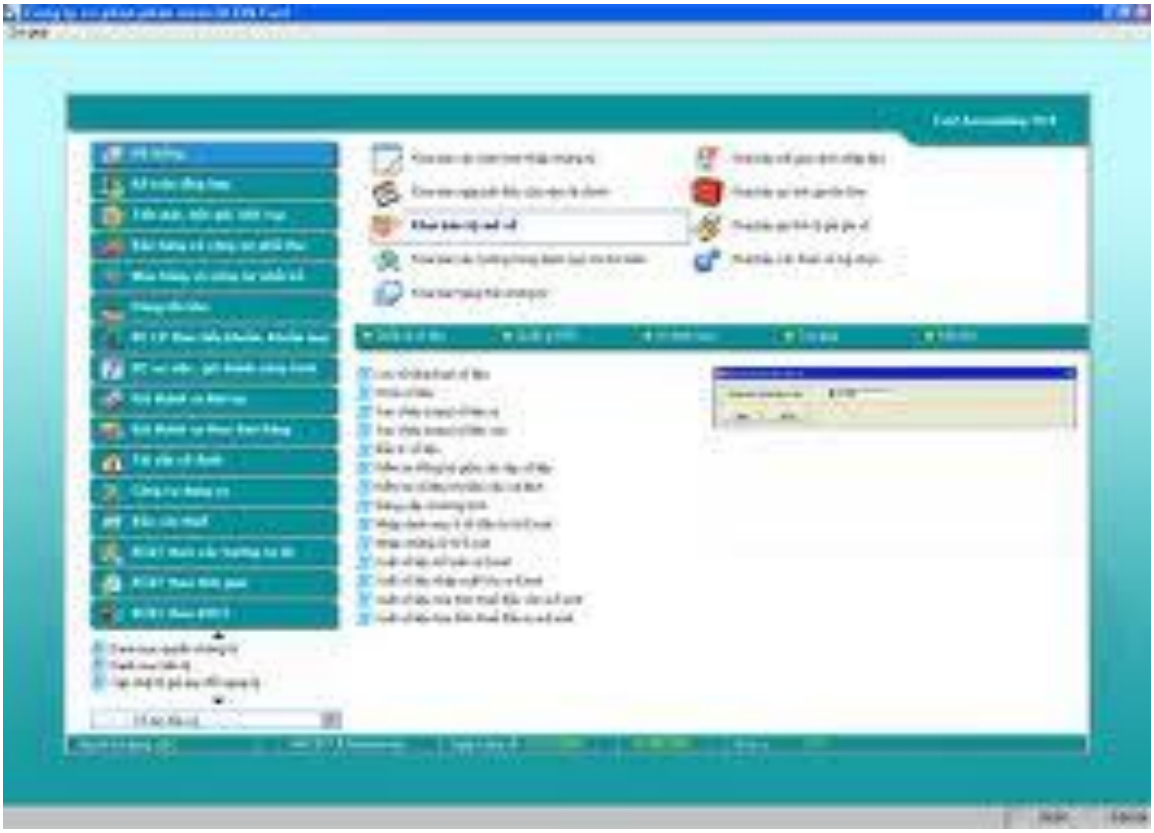

Chức năng:

Fast accounting (Phiên bản 10.10) mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm…), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán,

quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt…). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

❖ *Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro*

Giao diện:

Chức năng:

SAS INNOVA 6.8.1 Pro có rất nhiều tính năng nổi bật như: Cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), Giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với chức năng "copy" chứng từ, tạo và in phiếu thu, in phiếu xuất ngay trên Hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi ngay trên Hóa đơn mua hàng, chuyển các chứng từ nhập chỉ bằng 1 kích chuột, giao diện Anh-Việt, Báo cáo thuế theo Thông tư 60, Báo cáo Tài chính theo

Quyết định 15 hoặc Quyết định 48, tích hợp mã vạch 2 chiều vào tờ khai thuế (không cần nhập vào phần mềm HTKK)…

Ngoài ra, phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của Bộ Tài Chính như Quyết định 15/2006/QD-BTC, Quyết định 48/2006/QD-BTC, Thông tư 60/2007/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế, Thông tư 127/2004/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2004 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 84/2004/TT-BTC và Thông tư 120/2003/TT-BTC… Với sản phẩm này, người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin quản trị, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

Theo em công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán và đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mền này có các tính năng mạnh mẽ được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt là giá cả của phần mềm này rất phải chăng so với các phần mềm kế toán trên thị trường.

3.2.5. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo

❖ **Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi*:***

Là khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng khác. Các khoản thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như là một khoản tổn thất

- Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần mà vẫn chưa được;

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ chốn.

+ Những khoản nợ qua 3 năm trở lên coi như không có khả năng thu hồi nợ và được xử lý xóa nợ.

❖ **Phương pháp xác định mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

Dự phòng phải thu khó đòi cần lập = **Nợ phải thu khó đòi** x **Số % có khả năng mất**

• ***Mức trích lập*:** (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tối, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

❖ **Xử lý dự phòng phải thu khó đòi**

- **Kết cấu của TK 159:**

Bên nợ:

- Giá trị dự phòng gioảm giá đầu tư ngắn hạn và giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước.

Giá trị các khoản phải thu không thể đòi được bù đắp bằng số dự phòng đã trích lập.

- Giá trị dự phòng các khoản phải thu khó đòi được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số còn lại năm trước.

Bên có:

- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

- Giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ

- Giá trị dự phòng đầu tư ngắn hạn đã lập tính vào chi phí tài chính trong kỳ

Số dư bên có:

Giá trị các khoản dự phòng hiện có cuối kỳ

- **Tài khoản 159 – Các khoản dự phòng, có 3 tài khoản cấp 2:**

- TK 1591 : Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
- TK 1592 : Dự phòng phải thu khó đòi
- TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính thì kế toán sử dụng TK 1592 để hạch toán Dự phòng phải thu khó đòi

- **Phương pháp hạch toán:**

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 " Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112…

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004 " Nợ khó đòi đã xử lý" (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

Ví dụ:

Dựa trên báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2011 mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2011

Biểu 3.3: Báo cáo tình hình công nợ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2011

STT	Tên khách hàng	Công nợ đến 31/12/2011		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty TNHH Tùng Hải	78.098.678		Hạn thanh toán ngày 22/04/2011, quá hạn thanh toán 8 tháng
2	Công ty TNHH Mai Hoa	12.890.670		Hạn thanh toán ngày 05/01/2012
3	Công ty xây dựng Liên Sơn	10.578.908		Hạn thanh toán ngày 17/01/2012
4	Công ty CP TM Cẩm Sơn	14.679.236		Hạn thanh toán ngày 20/01/2012
5	XNXDCT Môi trường mỏ Hòn Gai		56.000.000	Khách hàng đặt trước tiền hàng
6	Công ty TNHH Hoa Lan	14.796.457		Hạn thanh toán ngày 03/01/2012
7	Công ty Cổ phần đá Cẩm Thạch	25.789.700		Phát sinh ngày 25/05/2011, quá hạn thanh toán 7 tháng
8	Công ty Cổ phần Hoa Mai	24.679.808		Phát sinh ngày 01/02/2011
9	Công ty tư nhân Phát Đạt		5.000.000	Khách hàng đặt trước tiền hàng
10	Công ty TNHH 1 thành viên TKT	13.567.098		Phát sinh ngày 18/01/2011
11	Công ty TNHH Tùng Nam	9.890.086		Phát sinh ngày 21/01/2011
12	Công ty cổ phần TM Sơn Trường	16.907.890		Phát sinh ngày 07/02/2011
	Cộng	221.878.531	61.000.000	Khách hàng đặt trước tiền hàng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**

Dự phòng phải thu khó đòi năm 2011:

78.098.678 x 30% + 25.789.700 x 30% = 31.166.513

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 31.166.513

Có TK 1592: 31.166.513

KẾT LUẬN

Hòa cùng với bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng cán bộ phòng Kế toán – Thống kế của công ty để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo – Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân lập Hải Phòng và các anh chị trong phòng Kế toán – Thống kê tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Hoàng Thị Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa – Bộ Tài Chính – Nhà xuất bản Tài Chính 2009;
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Bộ Tài Chính – Nhà xuất bản Tài Chính;
3. Các trang web: Ketoan.org; webketoan.vn; tapchiketoan.com; danketoan.com…
4. Các tài liệu, hóa đơn chứng từ do công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long cung cấp;
5. Một số luận văn sinh viên khóa trước.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP. 2

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 2

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 2

1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động. 2

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 5

1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 5

1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 7

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu 7

1.4.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 7

1.4.1.2. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. 14

1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác 17

1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 19

1.4.2 Kế toán chi phí 22

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán 22

1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh 29

1.4.2.3. Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính 31

1.4.2.4 Tổ chức kế toán chi phí khác. 33

1.4.2.5. Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 35

1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh: 37

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 38

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. 38
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái. 39
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ 40
1.5.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính..... 41
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ HOÀNG LONG. 43
2.1.Khái quát chung về Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long. 43
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long..... 43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long..... 44
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long..... 45
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long. 47
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long. 47
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long..... 49
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Hoàng Long. 50
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác..... 50
2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ..... 50
2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính. 58
2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác. 62
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí khác..... 67
2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán 67

2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí quản lý kinh doanh. 77
2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính. 84
2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác. 89
2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 94
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh. 98
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ HOÀNG LONG 113
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long. 113
3.1.1. Kết quả đạt được. 113
3.1.2 Hạn chế 115
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Hoàng Long 116
3.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng 116
3.2.2 Hoàn thiện sổ sách sử dụng: 117
3.2.3 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu thanh toán trong tiêu thụ hàng hóa 120
3.2.4. Sử dụng phần mềm kế toán 122
3.2.5. Lập dự phòng phải thu khó đòi 127
KẾT LUẬN 133
TÀI LIỆU THAM KHẢO 134